Ký bởi: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Email: tinhuy@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Ngày ký: 14.09.2020 15:46:45 +07:00

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
*
Số 4685 - CV/TU

Công bố và lấy ý kiến Nhân dân đối với Dự thảo văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 96-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Công văn số 4300-CV/TU, ngày 06/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thảo luận các văn kiện Đại hội XIII của Đảng và văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

1. Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện việc công bố và lấy ý kiến Nhân dân về Dự thảo các văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI lên cổng thông tin điện tử của tỉnh Lâm Đồng *(Gửi kèm dự thảo văn kiện).*

Thời gian lấy ý kiến: Từ ngày **15/9/2020 đến ngày 28/9/2020**; Thực hiện bằng 02 hình thức:

- Nhân dân góp ý trực tiếp trên hệ thống thông tin điện tử.

- Nhân dân góp ý bằng văn bản, gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hoặc Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp ý kiến và gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trước ngày **29/9/2020.**

3. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng hợp ý kiến góp ý và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) kết quả lấy ý kiến Nhân dân trước ngày **01/10/2020** để tổng hợp, chuẩn bị cho Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

(File mềm đề nghị gửi về địa chỉ hộp thư công vụ: diennm@lamdong.gov.vn - đồng chí Nguyễn Mạnh Diên, điện thoại liên hệ: 0983151019)

Trân trọng !

Nơi nhận:
- Như trên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XH2.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

Trần Đình Văn

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

"Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; giữ vững quốc phòng, an ninh; tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện, bền vững và trở thành tỉnh khá của cả nước"

(Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI tiến hành trong bối cảnh đất nước đạt nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Vai trò, vị thế nước ta trên trường quốc tế và lòng tin nhân dân đối với Đảng ngày càng củng cố, tăng cường. Trong tỉnh toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu và nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X

1. Tình hình

- Tình hình thế giới, diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng gia tăng. Tình hình chính trị, an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên, khủng bố, chiến tranh cục bộ,… diễn ra ở nhiều khu vực. Những vấn đề về an ninh tài chính, năng lượng, nguồn nước, lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tác động mạnh mẽ đến toàn cầu.

- Đối với nước ta, mặc dù thế và lực, uy tín quốc tế ngày ngày càng được nâng cao nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ Đảng ta chỉ ra vẫn còn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế với các nước; nguy cơ "diễn biến hòa bình"; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn. Tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt đại dịch Covid-19 tác động không nhỏ đến kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân.

- Trong tỉnh, các cấp ủy, chính quyền và nhân dân phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực quyết tâm, tập trung khắc phục khó khăn triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, kiên trì thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nhanh và bền vững. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn như kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, cách xa các thành phố lớn, trung tâm kinh tế lớn; các thế lực thù địch lợi dụng đa sắc tộc, đa văn hóa ra sức chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, chống phá Đảng và chính quyền.

2. Đánh giá thành tựu và hạn chế, khuyết điểm

2.1. Thành tựu

a) Kinh tế tăng trưởng khá, quy mô, chất lượng nền kinh tế được nâng lên

Kinh tế tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt khá cao, bình quân 5 năm tăng 8,0%, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Quy mô GRDP tăng 1,6 lần; chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên, năng suất lao động tăng 1,5 lần so với năm 2015. GRDP bình quân đầu người 71 triệu đồng/người/năm 2020, cao hơn bình quân chung cả nước.

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao và xây dựng nông thôn mới đạt được kết quả vượt bậc.

Lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ phát triển mạnh; xây dựng các mô hình sản xuất mới ứng dụng công nghệ cao, với phương châm: ***"doanh nghiệp làm nòng cốt, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ là điều kiện tiên quyết để phát triển; xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu để bảo hộ quyền lợi người sản xuất và tạo niềm tin cho người tiêu dùng; nông dân đóng vai trò chủ thể và là nhân tố quyết định",*** đã khích lệ và tạo điều kiện cho nông dân ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp và làm giàu trên mảnh đất của mình; nhiều hộ nông dân, nhất là ***"nông dân thế hệ mới"*** trở nên giàu có. Xây dựng, phát triển thương hiệu *"Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành"* đối với các sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica, du lịch canh nông, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tiêu thụ sản phẩm trên thị trưởng trong nước và xuất khẩu.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tạo chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động cả hệ thống chính trị và nhân dân, có sức lan tỏa mạnh mẽ; vai trò chủ thể của người dân được khẳng định, đồng thuận xã hội ngày càng cao; kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư phát triển, diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt, đời sống vật chất, tinh thần người dân tiếp tục nâng lên; môi trường nông thôn chuyển biến tích cực.

Lĩnh vực dịch vụ, phát triển toàn diện, tăng trưởng bình quân hằng năm cao hơn bình quân chung của nền kinh tế, tỷ trọng dịch vụ trong GRDP vượt kế hoạch. Đặc biệt ngành du lịch phát triển nhanh về cơ sở vật chất, chủng loại và chất lượng dịch vụ. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ, thị trường hàng hóa ổn định, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng khá; kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước; các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng cả về lượng và giá trị; đến nay xuất khẩu trên 40 nước. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải phát triển nhanh, đa dạng, huy động nhiều nguồn lực xã hội đầu tư phát triển đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Ngành công nghiệp có bước phát triển mới, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng chủ yếu, đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy tăng trưởng; công

nghiệp sản xuất và phân phối điện, cung cấp nước, thu gom xử lý rác thải, nước thải, công nghiệp khai khoáng phát triển với tốc độ khá; ngành nghề tơ tằm khôi phục và phát triển mạnh; bổ sung thêm một số sản phẩm mới; các khu, cụm công nghiệp được đầu tư từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, thu hút, tạo điều kiện cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất.

Quan tâm đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Hệ thống giao thông đường bộ và hàng không phát triển, tăng cường tính kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia; các tuyến đường tỉnh tiếp tục đầu tư, giao thông nông thôn phát triển tốt; công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương được kiên cố hóa, góp phần tăng diện tích sản xuất nông nghiệp chủ động nước tưới. Nâng cấp hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng cấp, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải. Hạ tầng năng lượng, các khu, cụm công nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa, khoa học - công nghệ, thông tin - truyền thông phát triển tốt, đáp ứng yêu cầu xã hội.

Công tác quy hoạch thực hiện chặt chẽ, phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; lập và phê duyệt một số quy hoạch lớn. Việc thực hiện quy hoạch phù hợp, hiệu quả, đảm bảo sự phát triển các ngành, địa phương và định hướng chung của tỉnh. Tích cực triển khai thực hiện Quyết định 704/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thành phố Đà Lạt, vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1528/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách đặc thù thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách, bám sát chủ trương, chính sách của Trung ương, cân đối ngân sách được đảm bảo. Có nhiều giải pháp tích cực, hiệu quả trong quản lý, nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu thuế; thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng thu bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 13%; điều hành chi chặt chẽ, linh hoạt, tiết kiệm, hiệu quả, kỷ luật tài chính được tăng cường; cơ cấu chi ngân sách chuyển biến tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng, phù hợp với chủ trương của Trung ương về tái cơ cấu ngân sách và quản lý nợ công.

Việc triển khai các công trình trọng điểm trong điều kiện khó khăn về cơ chế, chính sách, vốn,... song tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai với quyết tâm cao và đạt một số kết quả; chú trọng xúc tiến đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai các công trình, dự án.

Quan tâm thực hiện mục tiêu phát triển doanh nghiệp; chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; khuyến khích phong trào khởi nghiệp sáng tạo, số doanh nghiệp thành lập mới tăng về số lượng và quy mô. Triển khai hiệu quả chủ trương tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác thành lập mới tăng lên; nhiều hợp tác xã khẳng định vị trí, thương hiệu tham gia các chuỗi liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản trong nước và quốc tế.

Phát triển mạnh kinh tế vùng, làm tốt vai trò cầu nối giữa Tây Nguyên với các tỉnh miền Đông Nam Bộ và duyên hải Nam Trung bộ; tích cực, chủ động hợp tác với một số tỉnh, thành phố nhằm phát huy lợi thế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, quảng bá thương hiệu, thu hút đầu tư, liên kết chuỗi giá trị sản xuất, phân phối sản phẩm nông nghiệp và du lịch. Kiến

nghị Trung ương quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh của tỉnh và khu vực Tây Nguyên, miền Đông Nam bộ.

b) Đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đạt nhiều kết quả quan trọng: Kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư, cơ bản hoàn thiện; đến nay, 100% số xã có đường kiên cố đến trung tâm xã, có trạm y tế và phủ sóng phát thanh truyền hình; 100% số thôn dùng được điện lưới quốc gia; hệ thống trường, lớp đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; chú trọng nâng cao nhận thức, trình độ cho đồng bào dân tộc thiểu số về áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển kinh tế, giữ gìn nếp sống văn hóa, bản sắc các dân tộc. Nhiều chương trình, dự án đầu tư hiệu quả, làm thay đổi đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, nhiều xã vùng dân tộc thiểu số hoàn thành tiêu chí nông thôn mới. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội đảm bảo. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, tạo nguồn cán bộ là người đồng bào dân tộc thiểu số, phần lớn cán bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng bào dân tộc thiểu số tin tưởng và thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước.

c) Quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản bám sát quy hoạch và có nhiều chuyển biến tích cực; thường xuyên kiểm tra xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý tài nguyên khoáng sản. Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng được lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt; tiếp tục khôi phục, phát triển rừng, đẩy mạnh trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán, giao khoán quản lý, bảo vệ rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Công tác bảo vệ, phòng ngừa, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường được chú trọng. Việc ứng phó với biến đổi khí hậu có chuyển biến tích cực; năng lực phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu ngày càng tốt hơn. Tích cực triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đặc biệt đối với Khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang và Vườn quốc gia Biduop - Núi Bà.

d) Phát triển bền vững văn hóa, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa ngày càng phát triển đa dạng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân; là địa phương có nền văn hóa đặc sắc, phong phú và mang đậm bản sắc riêng với sự hòa quyện của văn hóa bản địa gốc Tây Nguyên cùng dân tộc của các vùng miền trong cả nước đến định cư, lập nghiệp, tỉnh luôn chú trọng và khuyến khích giữ gìn, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, khơi dậy truyền thống, lòng tự hào, tự tôn cộng đồng các dân tộc địa phương; đầu tư tôn tạo nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, phục dựng một số lễ hội truyền thống đặc sắc...; tiếp tục giữ gìn và phát huy nét văn hóa, hình ảnh, người Đà Lạt *"hiền hòa - thanh lịch - mến khách"*, để lại ấn tượng tốt cho du khách và tạo sự lan tỏa tích cực trong và ngoài tỉnh. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực văn hóa - xã hội được tăng cường, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn

hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giải trí của nhân dân. Thể thao thành tích cao có bước phát triển; phong trào thể dục thể thao quần chúng được mở rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Quy mô, chất lượng giáo dục đào tạo, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục phát triển; hệ thống trường lớp ngày càng hoàn thiện, bố trí hợp lý theo địa bàn dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội địa phương. Chất lượng, hiệu quả giáo dục chuyển biến rõ nét; đảm bảo thực chất, phản ánh đúng kết quả dạy và học; công tác phổ cập giáo dục giữ vững và nâng cao chất lượng; chú trọng đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng mạnh; quan tâm bồi dưỡng học sinh giỏi và đạt nhiều giải cao tại các cuộc thi cấp tỉnh, quốc gia, quốc tế. Giáo dục vùng đồng bào dân tộc được đầu tư và chất lượng từng bước nâng lên. Xã hội hóa giáo dục - đào tạo đạt một số kết quả. Phát triển nguồn nhân lực, chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và sự phát triển của địa phương.

Khoa học công nghệ bám sát mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, từng bước trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ mới vào quản lý, sản xuất, nhất là ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao được đẩy mạnh. Có nhiều giải pháp đưa khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp phát triển các ngành, lĩnh vực.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tiến bộ và hiệu quả. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, phòng chống các bệnh xã hội và dịch bệnh nguy hiểm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt kết quả tốt. Huy động nhiều nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa về chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho khám, chữa bệnh, giảm bớt tình trạng quá tải các cơ sở công lập; chất lượng nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chú trọng nâng cao y đức, phục vụ tốt người bệnh tại các cơ sở khám và điều trị bệnh; tỷ lệ hài lòng của người bệnh tăng qua từng năm.

Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Thực hiện hiệu quả và giải quyết kịp thời, đầy đủ các chính sách đối với người có công. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới, chính sách bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, bảo trợ xã hội triển khai đồng bộ, kịp thời, đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả chương trình, dự án giảm nghèo, tạo điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, người dân tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 6,67% năm 2015 xuống còn 1,35% năm 2020.

đ) Quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại

Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc trong khu vực phòng thủ; lực lượng vũ trang tỉnh được xây dựng ngày càng vững mạnh theo hướng cách mạng, chính quy; thực hiện hiệu quả chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thiết thực hiệu quả, sát với tình hình thực tiễn địa phương. Công tác xây dựng lực lượng thường trực, dự bị động

viên và dân quân tự vệ bảo đảm yêu cầu về số lượng và chất lượng. Công tác tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ theo phân cấp đạt kết quả theo yêu cầu. Công tác dân vận, chính sách hậu phương quân đội đạt nhiều kết quả thiết thực.

Giữ vững ổn định chính trị trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ; phát huy sức mạnh tổng hợp, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; không để hình thành tổ chức chính trị đối lập, xảy ra biểu tình... gây mất an ninh chính trị, trật tự xã hội. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đấu tranh, phòng chống hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm kinh tế, tham nhũng, ma túy, "tín dụng đen"…

Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để hội nhập và phát triển. Ngoại giao nhân dân được đẩy mạnh, quan tâm hỗ trợ doanh nhân, trí thức, kiều bào về đầu tư, làm việc tại địa phương. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với một số địa phương của các nước Lào, Hàn Quốc, Pháp, … và các tổ chức quốc tế đã mang lại hiệu quả rõ rệt.

e) Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Xây dựng Đảng về chính trị: Công tác xây dựng Đảng về chính trị được đặc biệt chú trọng; kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Năng lực dự báo, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng có chuyển biến rõ nét, cơ bản sát với tình hình thực tiễn. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng ban hành nghị quyết chuyên đề lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá; tập trung khắc phục những khuyết điểm, hạn chế. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên; từng bước đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và học tập, gắn kết giữa lý luận với thực tiễn... Qua đó, bản lĩnh chính trị, năng lực trình độ, tính chiến đấu toàn Đảng bộ và mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý được nâng lên; không dao động trước âm mưu, thủ đoạn, luận điệu chống phá, xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Công tác tư tưởng, lý luận: Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, kịp thời thông tin tuyên truyền, quán triệt, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước cho cán bộ, đảng viên, nhân dân; góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và đồng thuận xã hội. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được chú trọng; thường xuyên nắm bắt thông tin, theo dõi, kịp thời đấu tranh, phản bác luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động... Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận quan tâm đúng mức và có nhiều chuyển biến.

Xây dựng Đảng về đạo đức: Các cấp ủy, tổ chức đảng kịp thời xây dựng và ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên làm cơ sở để cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu. Ban hành quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là uỷ viên ban thường vụ, cấp ủy viên. Chỉ đạo duy trì và thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức, tạo sự chuyển biến rõ nét trong cán bộ, đảng viên.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt, trở thành nhiệm vụ thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nghiêm túc xây dựng, đăng ký cam kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Chỉ thị số 05-CT/TW và các quy định về nêu gương; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, *"lợi ích nhóm"*, *"nói không đi đôi với làm"*. Dân chủ, đoàn kết, thống nhất trong Đảng ngày càng được phát huy, tăng cường. Đạo đức công vụ, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần thái độ, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị được nâng lên.

Xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị: Tập trung sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức gắn với tinh giảm biên chế, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, có trọng tâm, trọng điểm. Các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm túc, có lộ trình, bước đi phù hợp, với nhiều cách làm sáng tạo. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị từng bước sắp xếp tinh gọn hơn; thực hiện thí điểm một số mô hình tổ chức mới và sắp xếp lại một số đơn vị hành chính, cấp xã và thôn, tổ dân phố góp phần giảm đầu mối, cấp trung gian, số lượng cán bộ lãnh đạo, giảm biên chế, giảm chi phí hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên: Việc xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được các cấp ủy quan tâm thực hiện và có nhiều chuyển biến. Tổ chức cơ sở đảng tiếp tục sắp xếp, kiện toàn phù hợp với tổ chức bộ máy hệ thống chính trị cơ sở. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng; chất lượng sinh hoạt chi bộ, tổ chức đảng được nâng lên, từng bước khắc phục tình trạng đơn điệu, hình thức. Quan tâm công tác tạo nguồn phát triển đảng viên mới, chú trọng kết nạp đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân, chủ doanh nghiệp... Tự phê bình và phê bình nghiêm túc; việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thực chất hơn.

Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ: Công tác cán bộ tiếp tục đổi mới. Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng cán bộ, bảo đảm tính kế thừa, ổn định và phát triển, nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, nganh tầm nhiệm vụ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ. Việc chống chạy chức, chạy quyền được coi trọng, có chuyển biến. Việc đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ các cấp được chú trọng.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm, kịp thời thẩm tra, xác minh lịch sử chính trị, nhất là nắm, xác minh vấn đề chính trị hiện nay. Việc thẩm định tiêu chuẩn chính trị các cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành chặt chẽ, góp phần nâng cao

chất lượng quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng: Được tăng cường, có nhiều đổi mới, thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả; hoạt động của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp được tăng cường, ngày càng siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc triển khai, thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng có ảnh hưởng, tác động đến công tác xây dựng Đảng, thực hiện nhiệm vụ chính trị, lĩnh vực nổi cộm,… dễ phát sinh tiêu cực, vi phạm góp phần tích cực vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Công tác dân vận và tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân: Công tác dân vận tiếp tục đổi mới cả nội dung và phương thức hoạt động, nhất là dân vận chính quyền; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp và cán bộ, công chức; coi trọng việc nắm tình hình nhân dân và giải quyết những nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của nhân dân, góp phần tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khuyến khích nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng. Công tác dân vận chính quyền, phong trào thi đua "Dân vận khéo" được mở rộng, trở thành hoạt động thường xuyên, mang lại hiệu quả thiết thực. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân chuyển biến tích cực.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, với quyết tâm chính trị cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ và đạt nhiều kết quả, tham nhũng từng bước kiềm chế, ngăn chặn, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình ủng hộ. Chỉ đạo thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí. Tiến hành việc giám sát chuyên đề của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tập trung các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và những vấn đề nhân dân bức xúc, dư luận quan tâm mang lại hiệu quả thiết thực.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng: Các cấp ủy đảng chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị, trước hết là đổi mới, nâng cao chất lượng hoạch định đường lối, cụ thể hóa việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị… của Đảng để thực hiện; đổi mới hình thức tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện và sơ, tổng kết các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và nguyên tắc của Đảng. Đổi mới phương pháp, phong cách, tác phong, lề lối làm việc của các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở. Phát huy vai trò tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất, hiệu quả công tác.

Đánh giá chung: Trong nhiệm kỳ qua, toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và đạt những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Kinh tế tiếp tục phát triển, duy trì tốc độ tăng trưởng khá; quy mô, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế tăng. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế đạt kết quả tích cực; cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý; các lĩnh vực thế mạnh: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ du lịch tiếp tục phát triển theo hướng chất lượng cao, hiện đại. Hạ

tầng kinh tế - xã hội quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện; bộ mặt nông thôn, đô thị khởi sắc. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh, phúc lợi xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được tiến hành toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, đạt nhiều kết quả nổi bật; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và đạt được những kết quả tích cực. Niềm tin Nhân dân đối với Đảng, chính quyền không ngừng được củng cố và tăng lên. Khối Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường.

**** Nguyên nhân thành tựu***

- Có sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, các bộ, ngành; kế thừa và phát huy những thành quả đạt được của các nhiệm kỳ trước.

- Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đoàn kết, thống nhất thể hiện quyết tâm chính trị cao, tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị; giữ vững nguyên tắc của Đảng, kỷ luật, kỷ cương, phát huy dân chủ, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

- Quyết tâm, kiên trì ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện"tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương có nhiều đổi mới; điều hành năng động, thường xuyên bám sát diễn biến của tình hình để đưa ra các chủ trương, giải pháp phù hợp; nỗ lực cao trong cải cách hành chính; quyết liệt trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Nêu cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; sự đóng góp to lớn của các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, doanh nhân trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2. Hạn chế, khuyết điểm

a) Kinh tế phát triển chưa thật sự ổn định và chưa bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển

- Chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế chưa thực sự bền vững. Việc đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu nền kinh tế trên một số ngành, lĩnh vực chuyển biến chậm. Kết quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp theo cách tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp chưa đạt như kỳ vọng; tỷ trọng nông sản và số lượng nông dân tham gia chuỗi liên kết giá trị còn thấp. Ngành công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến phát triển chậm chưa đáp ứng yêu cầu; quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ; khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường, nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp còn thấp. Liên kết và hội nhập hạn chế, chưa trở thành động lực và tương xứng với vai trò, vị trí, tiềm năng, điều kiện, yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Ngành du lịch chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh, chưa khẳng định được vị trí quan trọng, nổi bật trên bản đồ du lịch Việt Nam; lượng khách tăng trưởng qua các năm nhưng khách quốc tế còn thấp; nguồn lực đầu tư cho du lịch

chưa mạnh, nhiều dự án đầu tư du lịch kéo dài, chậm tiến độ. Sản phẩm du lịch chất lượng cao, các dịch vụ vui chơi giải trí còn ít; công tác xúc tiến, quảng bá, liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố hiệu quả chưa cao.

- Việc nghiên cứu, vận dụng, triển khai thực hiện một số cơ chế đặc thù thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận còn thiếu mạnh dạn, quyết đoán; chưa đề xuất lựa chọn được các hình thức đầu tư phù hợp đối với từng lĩnh vực để bảo đảm huy động được vốn, công nghệ trong và ngoài nước cho mục tiêu phát triển.

- Quản lý nhà nước về tài nguyên, nhất là tài nguyên rừng, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế, hiệu quả thấp, xử lý một số vụ vi phạm chưa kịp thời và kiên quyết. Nguồn lực dành cho công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác quy hoạch còn bất cập, chưa theo kịp sự phát triển chung của xã hội; quản lý trật tự xây dựng và phát triển đô thị nhiều hạn chế. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông đối ngoại chưa đáp ứng sự phát triển. Một số công trình trọng điểm triển khai chậm. Huy động và sử dụng các nguồn lực vào phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội chưa nhiều. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành ngân sách một số địa phương còn hạn chế.

- Kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa bền vững, đời sống một bộ phận nhân dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

b) Văn hóa xã hội

- Đầu tư cho văn hóa thiếu đồng bộ, dàn trải. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại một số địa phương khai thác, sử dụng chưa hiệu quả, chưa đảm bảo theo quy định, nhất là cơ sở vật chất phục vụ tập luyện cho nhân dân còn thiếu, lạc hậu. Công tác giáo dục thể chất, kỹ năng sống trong trường học chưa được chú trọng, hoạt động ngoại khoá của học sinh còn bất cập, thiếu sân chơi, khu vực tập luyện.

- Xã hội hoá trên lĩnh vực văn hoá, xã hội còn chậm. Việc đầu tư nâng cấp, chuẩn hoá trường lớp, nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, thu hẹp sự chênh lệch về khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ, còn khó khăn. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên chưa đáp ứng yêu cầu và phù hợp với thực tế của địa phương.

- Đầu tư cho khoa học - công nghệ hạn chế. Cơ chế và chính sách cán bộ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ còn bất cập, chưa tạo môi trường, động lực khuyến khích, phát huy sức sáng tạo của các nhà khoa học, chưa thu hút được nhân tài khoa học trong và ngoài nước.

c) Quốc phòng - an ninh

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi nhưng việc dự báo tình hình, đấu tranh ngăn chặn có lúc chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao. Tình hình tội phạm, nhất là các loại tội phạm liên quan đến xâm phạm an ninh quốc gia, *"tín dụng đen"*, ma túy, tội phạm có tổ chức còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định xã hội.

d) Công tác xây dựng Đảng

Công tác tư tưởng có nơi, có lúc chưa thật sự được cấp ủy coi trọng, chưa kịp thời, thiếu thuyết phục; công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước chưa phong phú, thường xuyên, chưa đáp ứng được sự quan tâm của nhân dân. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các luận điệu, thông tin xấu, sai trái, mang tính kích động, xuyên tạc trên mạng xã hội hiệu quả chưa cao.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá XII) về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy ở một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị còn chung chung, chưa đạt mục tiêu đề ra. Tinh giản biên chế chưa thật sự gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; vai trò tổ chức cơ sở đảng trong giáo dục chính trị tư tưởng, bảo vệ chính trị nội bộ, kiểm tra, giám sát, phát hiện tham nhũng, tiêu cực, xử lý các vi phạm vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng sinh hoạt chi bộ và vai trò tiền phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao.

Việc phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết công việc đôi lúc còn chậm, chồng chéo, chưa rõ ràng. Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị một số nơi chưa tích cực, chuyển biến chưa đồng đều. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thật sự quan tâm tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống. Thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên chưa được quan tâm đúng mức. Đánh giá cán bộ có nhiều đổi mới nhưng vẫn chưa thực chất. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều; một số cán bộ thiếu tính chuyên nghiệp.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng một số cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra chuyển biến chưa đều, chưa theo kịp yêu cầu, chưa chú trọng công tác phòng ngừa. Việc tự kiểm tra, giám sát, ở các cấp ủy đảng chưa thực hiện thường xuyên, chưa thực chất.

Công tác dân vận, việc nắm, đánh giá, dự báo tình hình nhân dân, nhất là địa bàn phức tạp, nhạy cảm có lúc, có nơi chưa kịp thời, sâu sát. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, chưa theo kịp sự phát triển. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền một số nơi còn hạn chế.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí một số địa phương, ngành chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, nhất là việc tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý trong nội bộ cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, tham nhũng vặt trong khu vực hành chính, dịch vụ công tuy giảm nhưng chưa đạt so với yêu cầu.

**** Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm***

- Việc nghiên cứu, cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước chưa kỹ nên việc triển khai thực hiện nghị quyết Trung ương, Tỉnh ủy còn lúng túng, chưa quyết liệt, thiếu sáng tạo. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn phục vụ việc ban hành các cơ chế, chính sách và

quản lý, điều hành chưa kịp thời, chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

- Bản lĩnh và vai trò người đứng đầu ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu. Khả năng, nắm bắt, xử lý tình huống phát sinh của lãnh đạo một số ngành, địa phương chưa linh hoạt, kịp thời. Năng lực, trình độ nghiệm vụ của một bộ phận công chức, viên chức không đồng đều, có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác tham mưu của các ban xây dựng Đảng, các sở, ngành có lúc, có nơi còn lúng túng. Việc chấp hành, thực hiện các kết luận cấp trên, thanh tra, kiểm tra còn chậm.

- Sự phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương có lúc, có nơi còn chưa thường xuyên, đồng bộ, chặt chẽ. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành một số cấp ủy, chính quyền chưa năng động, sáng tạo, quyết liệt; cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính chưa theo kịp yêu cầu thực tế. Một bộ phận cán bộ chưa mạnh dạn dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện, phát hiện, xử lý vi phạm trên một số mặt chưa kịp thời, kiên quyết, triệt để.

- Tư tưởng trông chờ, thụ động, ỷ lại vào cấp trên của một số tổ chức đảng và một bộ phận cán bộ, đảng viên, tình trạng "trên nóng, dưới lạnh", nói không đi đôi với làm chưa được khắc phục triệt để.

- Việc thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình còn chưa nghiêm. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát trong nhiệm kỳ tuy có đổi mới, đạt được những kết quả tích cực nhưng hiệu quả chưa thực sự đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

2.3. Một số kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết Đại hội X

Thứ nhất, thường xuyên quan tâm xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức. Phải xây dựng sự đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng bộ, trước hết là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực cấp ủy, trên cơ sở các nguyên tắc và Điều lệ Đảng. Phát huy dân chủ, trí tuệ trong Đảng, làm hạt nhân thúc đẩy phát huy dân chủ trong xã hội, gắn với xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng mối quan hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với nhân dân.

Thứ hai, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển toàn diện từ trong lãnh đạo, chỉ đạo đến khâu tổ chức thực hiện; trong tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực; trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; từ việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đến từng chương trình, đề án, dự án cụ thể; đảm bảo phát triển nhanh và bền vững.

Thứ ba, phải biết vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương. Trong chỉ đạo phát triển kinh tế, phải xác định được hướng đi đúng, bước đi thích hợp, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn và có các giải pháp đột phá để thực hiện.

Thứ tư, tập trung phát triển nguồn nhân lực, coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa có tính chiến lược lâu dài. Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực, phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, nhất là người đứng đầu phải thực sự gương mẫu, có tầm nhìn chiến lược; năng động sáng tạo, sâu sát cơ sở, có tính quyết đoán cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân.

Thứ năm, phải kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, đặc biệt là lợi ích của người dân. Trong quá trình triển khai thực hiện

các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải biết dựa vào dân, phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Thường xuyên tổng kết thực tiễn để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, xây dựng các cơ chế, chính sách mới cho phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích của nhân dân, tạo động lực phát triển.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 5 NĂM 2020 - 2025

1. Dự báo tình hình

Trong những năm tới, bối cảnh quốc tế, khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi phức tạp, nhanh chóng, khó lường. Dưới tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt, cả về kinh tế, xã hội. Cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra gay gắt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tình hình tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông tiếp tục diễn ra phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta.

Trong nước, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và đang phải đối mặt với nhiều tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường còn nhiều bất cập, gây bức xúc xã hội. Năng lực và phương thức lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn chưa ngang tầm nhiệm vụ. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng, Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thích ứng với biến đổi khí hậu là những thách thức rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến đất nước trong thời gian tới.

Trong tỉnh, kinh tế - xã hội đạt những kết quả tích cực; tác động của việc tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tạo đà phát triển toàn diện, bền vững cho địa phương; kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, trình độ dân trí, văn hóa và đời sống vật chất, tinh thần nhân dân không ngừng nâng lên; đặc biệt nước ta đã ký kết và triển khai thực hiện hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA sẽ tạo điều kiện thuận lợi đến việc phát triển thương mại, đầu tư của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh thời cơ thuận lợi, cũng còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, khó khăn, phức tạp hơn; nhất là tác động tiêu cực đại dịch COVID-19, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế còn thấp; âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch trong và ngoài nước những hạn chế, tồn tại nếu không tập trung khắc phục kịp thời sẽ là lực cản cho sự phát triển.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội là điều kiện tiên quyết để phát triển.

- Phát huy lợi thế của tỉnh, đồng thời đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và khoa học tiên tiến vào các lĩnh vực đời sống và sản xuất.

- Phát huy hiệu quả nguồn lực và điều kiện tự nhiên của tỉnh là quyết định; đồng thời tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, chủ động thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức phù hợp làm động lực quan trọng cho phát triển.

3. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu

Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu nông nghiệp, hướng đến ngành nông nghiệp toàn diện và hiện đại, là trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế. Phát triển du lịch chất lượng cao, xây dựng thành phố Đà Lạt thành trung tâm du lịch chất lượng cao, trung tâm giáo dục nghiên cứu, sáng tạo khoa học. Phát triển công nghiệp có chọn lọc, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị - nông thôn; phát triển mạnh giáo dục và khoa học kỹ thuật; nâng cao vai trò văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc cộng đồng các dân tộc; đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2020 - 2025

**** Về phát triển kinh tế***

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0 - 8,0%; trong đó: khu vực nông lâm thủy tăng 4,5 - 5,0%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 11,0%; khu vực dịch vụ tăng 8,0 - 9,0%.

- Cơ cấu kinh tế: Đến năm 2025, khu vực nông lâm thủy chiếm tỷ lệ 35,0 - 36,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 22,0 - 23,5%, khu vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 42 - 43,5%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 khoảng 120 - 125 triệu đồng, *(tương đương khoảng 5.148 đến 5.363 USD)*; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 8,0 - 9,0%.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội hàng năm chiếm khoảng 35 - 36% GRDP.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 11 - 12%; trong đó, thuế, phí tăng bình quân 12 - 14%; phấn đấu đến năm 2025, ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 14 - 15%, đến năm 2025 đạt khoảng 1.610 triệu USD.

- Lượng khách du lịch qua đăng ký lưu trú tăng bình quân 9%/năm; trong đó, khách quốc tế chiếm từ 12 - 13% tổng lượng khách qua lưu trú.

**** Về phát triển xã hội***

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 85 - 86,5%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng cấp, chứng chỉ chiếm 23,6%.

- Tỷ lệ thất nghiệp dưới 1,2%; trong đó, khu vực thành thị dưới 2%.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm ít nhất từ 1,0 - 1,5% *(theo chuẩn giảm nghèo mới giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ)*; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 2,0 - 3,0%.

- Số bác sĩ/vạn dân: 8,5 - 9 bác sĩ; số giường bệnh/vạn dân: 24 - 25 giường bệnh; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%; 100% số xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 khoảng 1,0%.

- Đến năm 2025, giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; 82% thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương; có từ 82% trở lên trường mầm non và phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia.

- Phấn đấu đến năm 2025, có 92% số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; 95% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa; 92% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 90% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- Lâm Đồng đạt tiêu chí tỉnh nông thôn mới trước năm 2025; trong đó, tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 10 - 15%; Đơn Dương và Đạ Tẻh là huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**** Về môi trường***

- Đến năm 2025, có ít nhất 95% rác thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; tỷ lệ hộ dân vùng đô thị sử dụng nước sạch đạt 80% trở lên; tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.

- Duy trì tỷ lệ độ che phủ của rừng trên 55%.

4. Các đột phá và nhiệm vụ trọng tâm

a) Các đột phá

(1) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, nhà nước, xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử.

(2) Phát triển nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(3) Tháo gỡ những vướng mắc trong quan hệ sản xuất, mở đường cho sản xuất phát triển đặc biệt là tạo sự hợp tác và liên kết sâu rộng trong sản xuất nông

nghiệp. Tập trung tổ chức lại các mô hình hợp tác một cách phù hợp, có hiệu quả từ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ... để tạo sự liên kết từ sản xuất, chế biến đến thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra động lực mới.

(4) Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triên hạ tầng đô thị, giao thông, du lịch, công nghệ thông tin - truyền thông, hạ tầng mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng số,… gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng; sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân; củng cố tăng cường lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền; tăng cường đại đoàn kết toàn dân; xây dựng xã hội dân chủ, đồng thuận, tuân theo pháp luật, kỷ cương, đoàn kết, văn minh. Thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh, toàn diện, bền vững.

- Khơi dậy khát vọng và sức mạnh cộng đồng các dân tộc tỉnh Lâm Đồng. Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

- Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; tích cực, chủ động thích nghi và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

c) Các công trình trọng điểm

- Tiếp tục triển khai đầu tư 08 công trình trọng điểm của giai đoạn 2016 - 2020 đó là: Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng; Đường cao tốc Dầu Giây Liên Khương; Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú; Khu Trung tâm Hòa Bình; Dự án cấp, thu gom xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc; Khu du lịch hồ Đại Ninh; hồ Đông Thanh, hồ Kazam.

- Đầu tư mới 09 công trình: Khu du lịch Hồ Prenn; Khu Công nghiệp Phú Bình; Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành thành phố thông minh; Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng; Khu du lịch núi Sa Pung - Bảo Lộc; Xây dựng Khu đô thị Liên Khương - Prenn; Khu đô thị Nam sông Đa Nhim, huyện Đức Trọng; hồ Ta Hoét; đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 *(đoạn Phi Nôm - cầu K'Rông Nô)*, 27C, 28B, 55.

III. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ

Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Trọng tâm là tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển dịch vụ du lịch chất lượng cao, phát triển công nghiệp có chọn lọc. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên ứng dụng những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và phát huy tiềm năng, lợi thế địa phương; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế; duy trì, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên các lĩnh vực.

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành, bền vững, hiện đại có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao, trong đó tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh và hữu cơ trong điều kiện biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Xây dựng và phát triển vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm; kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường, xuất khẩu; tổ chức lại sản xuất với các sản phẩm có lợi thế so sánh, chú trọng phát triển các cây trồng còn dư địa lớn và yêu cầu thị trường cao để tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu như: cây dược liệu, các loại hoa và cây dâu tằm.

Tiếp tục phát triển và quảng bá thương hiệu nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức tích tụ ruộng đất phù hợp thực tế tại địa phương thông qua liên kết sản xuất. Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống nhà kính, nhà lưới hạn chế ảnh hưởng cảnh quan, phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, thân thiện môi trường. Định hướng nhân dân trong việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi ở từng vùng phù hợp với biến đổi khí hậu, dịch bệnh, hạn chế rủi ro trong phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của nhân dân.

Quy hoạch phát triển vùng trồng cây dược liệu và chế biến dược phẩm, thực phẩm chức năng bằng nguyên liệu tại chỗ phù hợp với điều kiện của từng vùng.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, gắn với giảm nghèo bền vững. Phát huy vai trò chủ thể của người dân, sự vào cuộc quyết liệt cả hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu. Nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập của người dân nông thôn. Xây dựng hình ảnh nông thôn mới có cảnh quan đẹp, môi trường trong lành, bản sắc văn hóa đặc sắc, tình làng nghĩa xóm gắn bó.

Phát triển các ngành công nghiệp có chọn lọc, có lợi thế cạnh tranh, thân thiện với môi trường; nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông sản, vật liệu mới, phụ trợ cho sản xuất; tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp lợi thế như: chế biến trà, cà phê, sữa, dược liệu và thực phẩm chức năng, tơ tằm, alumin,… Đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp vật liệu tiềm năng. Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nhà máy thủy điện, phát triển bền vững công nghiệp năng lượng sạch. Đẩy mạnh công nghiệp sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu và thực phẩm chức năng. Thúc đẩy phát triển ngành tiểu thủ công, mỹ nghệ truyền thống. Chú trọng thu hút dự án về công nghệ số. Hình thành một số khu, cụm công nghiệp mới để thu hút đầu tư.

Phát triển mạnh khu vực dịch vụ, nhất là các dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như: Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải. Mở rộng không gian du lịch theo quy hoạch được phê duyệt. Phát triển ngành du lịch thật sự trở thành ngành kinh tế động lực; phát huy tốt tiềm năng, lợi thế, cấu trúc lại mô hình và sản phẩm du lịch theo hướng sinh thái, kết hợp nghỉ dưỡng, hội nghị, chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, đồng thời mở rộng mô hình du lịch trang trại gắn du lịch với trải nghiệm nông nghiệp, văn hóa đặc trưng vùng Tây Nguyên, tạo ra giá trị khác biệt để nâng cao hiệu quả. Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng du lịch, phát triển dịch vụ du lịch chất lượng cao. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật số trong quản lý, kết nối các dịch vụ du lịch, du khách. Phát triển đội ngũ quản lý, hướng dẫn viên có tính chuyên nghiệp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối hàng hóa, thu hút đầu tư các trung tâm thương mại cao cấp, phát triển hỗn hợp cấp vùng tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các trung tâm thương mại dịch vụ lớn, hiện đại tại các trung tâm kinh tế - xã hội; tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý để phát triển thị trường. Chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu sản phẩm xuất khẩu; phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số.

Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ: giao thông, đô thị, năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo, thủy lợi; gắn với quy hoạch phát triển vùng, tiếp tục phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, Internet, tạo cơ sở cho bước chuyển sang nền kinh tế số, hiện đại. Thúc đẩy tiến độ đầu tư xây dựng đường cao tốc, hoàn thiện hệ thống đường vành đai các đô thị lớn. Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng các lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Tiếp tục xây dựng thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế - văn hóa, khoa học - kỹ thuật; Trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và Trung tâm nghiên cứu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia, khu vực và quốc tế; Trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành; Trung tâm bảo tồn rừng cảnh quan và đa dạng sinh học; Trung tâm văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao và giải trí.

Xây dựng thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại 2; huyện Đức Trọng thành thị xã, đạt tiêu chí đô thị loại 3; thị trấn Di Linh, Thạnh Mỹ đạt tiêu chí đô thị loại 4. Quy hoạch và xây dựng đô thị Liên Khương - Prenn và các đô thị khác thành chuỗi các đô thị vệ tinh cho thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc.

Phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã, tổ hợp tác, coi trọng mở rộng quy mô, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động gắn với phát huy vai trò làm chủ, lợi ích của các thành viên, khả năng huy động, tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Chú trọng phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, hình thành các chuỗi giá trị trong nông nghiệp gắn sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tập trung năng lực cho phát triển nông nghiệp bền vững, với mô hình ***"Doanh nghiệp là nòng cốt; kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác là trung tâm; nông dân là chủ thể"***. Nhân rộng các mô hình liên kết để tạo sự bứt phá trong hình thành mạng lưới tiêu thụ hàng nông sản mang lại hiệu quả cao cho cả doanh nghiệp

- hợp tác xã và nông dân.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án lớn. Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Phát triển kinh tế tư nhân trên tất cả các ngành, lĩnh vực; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tạo thành chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm. Ưu tiên, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển ngành, lĩnh vực có lợi thế.

Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa phát triển khoa học công nghệ, xây dựng thị trường khoa học công nghệ; có chính sách thúc đẩy sự liên kết giữa các đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường sử dụng, thu hút nhân tài; thực hiện các phương thức quản lý, quản trị hiện đại để nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo ở tất cả các ngành, các cấp, lĩnh vực, các tổ chức kinh tế; tạo điều kiện phát triển về khoa học nguyên tử, hạt nhân phục vụ cho các hoạt động y tế và kinh tế.

Cơ cấu lại ngân sách Nhà nước. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm kỷ cương tài chính - ngân sách Nhà nước. Kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh, phát huy sự chủ động, sáng tạo của các đơn vị, địa phương, thu hút tối đa nguồn lực xã hội. Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Thực hiện huy động, phân bổ, sử dụng ngân sách Nhà nước gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm. Xây dựng cơ chế phù hợp khuyến khích tiết kiệm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Cơ cấu, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi hợp lý giữa các cấp ngân sách, từng bước tăng tỷ lệ tự chủ, tự cân đối ngân sách cấp huyện, phấn đấu đến năm 2025, ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên.

Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa. Tập trung xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế hiệu quả cho đồng bào dân tộc thiểu số. Giải quyết cơ bản vấn đề về dân di cư tự do, thiếu đất ở, đất sản xuất. Chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên nhất là tiếng nói, chữ viết, sắc phục, kiến trúc nhà ở gắn với phát triển du lịch, dịch vụ. Quy hoạch các buôn, làng theo tập quán của từng dân tộc tạo nên vẻ đa dạng, phong phú đặc trưng của các dân tộc Tây Nguyên.

Triển khai hiệu quả quy hoạch vùng nhằm khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để tạo ra sức mạnh chung của nền kinh tế. Phát triển mạnh đô thị, liên kết đô thị với nông thôn, tạo động lực cho các vùng. Phát huy tiềm năng, lợi thế về tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng Tây Nguyên; thực hiện các giải pháp thúc đẩy liên kết vùng, liên kết các tỉnh Tây Nguyên và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tăng cường hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng tham gia liên kết vùng để hội nhập quốc tế, là một cấu

thành của cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Phấn đấu đưa Lâm Đồng trở thành điểm đến có trên bản đồ du lịch thế giới, khu vực.

IV. ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC; PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Quán triệt đầy đủ, sâu sắc, thực hiện có hiệu quả quan điểm "giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu" đồng hành "cùng với khoa học - công nghệ là động lực then chốt" để phát triển.

Thực hiện hiệu quả đồng bộ nội dung, chương trình, đổi mới phương pháp và phương thức giáo dục - đào tạo, phát triển con người toàn diện; chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu quê hương, đất nước, khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương Lâm Đồng ngày càng phát triển. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất nâng cao tầm vóc con người địa phương. Gắn kết chặt chẽ giáo dục đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm tiêu cực trong giáo dục. Quan tâm thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Phát triển thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành tầm quốc gia và quốc tế.

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, ưu tiên đầu tư phát triển đào tạo một số ngành, nghề quan trọng, nhất là đối với những ngành, nghề có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tiếp tục rà soát quy hoạch, sắp xếp hệ thống giáo dục và đào tạo gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục - đào tạo. Ưu tiên nguồn lực tài chính, đầu tư thích đáng cho cho giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục đào tạo; thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Phát triển và ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ

Triển khai thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới, sáng tạo. Phát triển toàn diện các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ gắn với chuyển giao, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và con người. Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, nhân dân về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội, quản lý điều hành các ngành, các cấp; thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào khu công nghệ thông tin tập trung để triển khai dự án nghiên cứu, sản xuất công nghệ phần mềm.

Đẩy mạnh hơn nữa phát triển khoa học công nghệ trên cơ sở đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động và xây dựng thị trường khoa học công nghệ. Cần có chính

sách thúc đẩy sự liên kết giữa các đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, dịch vụ du lịch, quản lý xã hội. Xây dựng thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc thành đô thị thông minh, là trung tâm sáng tạo đổi mới.

Huy động, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống các đơn vị khoa học, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia, các trung tâm nghiên cứu. Từng bước sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị, các lực lượng khoa học theo hướng liên kết chặt chẽ khoa học với giáo dục, đào tạo và hoạt động thực tiễn. Đẩy mạnh khởi nghiệp sáng tạo. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động sở hữu trí tuệ,…

Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; đẩy mạnh công tác truyền thông khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết chung và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào cuộc sống.

V. PHÁT HUY GIÁ TRỊ VÀ SỨC MẠNH VĂN HÓA, CON NGƯỜI; BẢO ĐẢM TIẾN BỘ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

1. Phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người

Thực hiện hiệu quả nghị quyết, chương trình về phát triển văn hóa. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp các dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên; khai thác hiệu quả lợi thế, giá trị bản sắc để phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng, góp phần nâng cao tầm vóc, sức khỏe của nhân dân. Đầu tư nâng cấp các di tích lịch sử. Khai thác và phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao. Vận động xã hội hóa và tạo điều kiện về cơ chế chính sách thu hút đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ người dân trong tập luyện thể dục thể thao. Đẩy mạnh thể thao thành tích cao. Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh.

Bảo vệ, nuôi dưỡng và phát triển các giá trị, nhân cách con người trong thời kỳ mới. Phát triển toàn diện con người về thể chất, đạo đức, phẩm chất, năng lực, thẩm mỹ, kỹ năng sống. Xây dựng môi trường sống, học tập và làm việc lành mạnh, công bằng về cơ hội và lợi ích.

Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, tính nhân văn, dân chủ trong hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật. Tiếp tục bảo đảm tự do sáng tạo, ủng hộ những sáng tác mới trong quá trình hiện đại hoá văn học nghệ thuật, đồng thời làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc.

Nghiên cứu, khai thác thế mạnh văn hóa các dân tộc, văn hoá vật thể và phi vật thể tại địa phương. Gắn chặt và phát huy ưu thế của văn hóa trong phát triển du lịch, đồng thời bảo vệ, giữ gìn tài nguyên văn hóa các dân tộc địa phương. Tiếp tục bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng,.. trong các lễ hội văn hóa.

Xây dựng chuẩn mực văn hóa lãnh đạo, trong Đảng, quản lý, công sở, giao tiếp và văn hóa gia đình trong thời kỳ mới. Tăng cường xây dựng văn hoá doanh nhân, doanh nghiệp, triển khai bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch, làm cho văn hóa trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp trong hoạt động kinh tế.

Tăng cường quản lý nhà nước về báo chí, phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên mạng xã hội, kiên quyết loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, xã hội và thuần phong mỹ tục; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng.

2. Bảo đảm tiến bộ công bằng xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội, quản lý xã hội theo hướng bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện. Giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, khắc phục từng bước sự mất cân đối, phân hoá giàu nghèo bảo đảm ổn định và phát triển xã hội bền vững.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đẩy mạnh xã hội hóa toàn dân chăm lo các đối tượng chính sách và người nghèo; đa dạng hóa và đổi mới phân bổ nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích, bảo đảm mọi người đều bình đẳng, có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện.

Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên.

Tập trung công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Giáo dục nghề nghiệp phải đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động xã hội; giải quyết việc làm bền vững, nhất là việc làm cho lao động nông nghiệp do chuyển đổi nghề nghiệp.

Tập trung giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều, đặc biệt quan tâm vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Bảo đảm cung cấp tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu *(nhà ở, giáo dục, y tế, nước sạch, thông tin truyền thông,...)*.

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khoẻ nhân dân; tổ chức sắp xếp hệ thống y tế công, đặc biệt là y tế cơ sở, tạo ra mô hình hợp lý và ổn định phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Đẩy mạnh đổi mới phong cách phục vụ, nâng cao y đức đội ngũ y, bác sỹ; xây dựng cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp, thân thiện môi trường; đầu tư phát triển các kỹ thuật cao, tiên tiến, hạn chế quả tải ở tuyến trên. Mở rộng xây dựng hồ sơ sức khỏe cho toàn dân, phát triển mô hình bác sỹ gia đình. Phát triển y học cổ truyền. Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; đẩy mạnh ngành công nghiệp Dược.

VI. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong khai thác, sử dụng tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Trọng tâm là nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục suy thoái đất; quản lý chặt chẽ đất công và đất có nguồn gốc nông, lâm trường. Tập trung xây dựng, triển khai thực hiện đề án tăng cường quản lý bảo vệ rừng, chống xâm hại rừng và khôi phục diện tích bị lấn chiếm; duy trì độ che phủ rừng và diện tích rừng theo quy hoạch; kiên

quyết không để diện tích rừng bị xâm hại; từng bước phát triển các mô hình lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đẩy mạnh điều tra cơ bản, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất, nước và các nguồn tài nguyên, khoáng sản. Làm tốt công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Nâng cao năng lực giám sát về môi trường và biến đổi khí hậu, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và thảm họa môi trường. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu đô thị. Xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi trường, nhất là môi trường rừng. Có chính sách chọn lọc về tiêu chuẩn kỹ thuật, kiên quyết loại trừ công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

Huy động nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân. Tập trung xử lý chất thải, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, xây dựng, phát triển công nghiệp môi trường. Kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, chuyên môn về xử lý rác thải đầu tư vào lĩnh vực này.

Nâng cao khả năng chống chịu, năng lực chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích nghi, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm đời sống cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu.

Tích cực hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

VII. TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH; NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Tăng cường quốc phòng, an ninh

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của chính quyền đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, hệ thống chính trị trong xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh. Xác định nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị và của toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt.

Quán triệt, triển khai và thực hiện nghiêm các chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của tỉnh, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đề án sắp xếp, bố trí và nâng cao chất lượng hoạt động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, hình thành các tổ chức chính trị đối lập. Đẩy mạnh công tác đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, công nghệ cao, ma túy, tín dụng đen, có tổ chức; xây dựng vững chắc thế trận an ninh nhân dân và phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc. Tăng cường biện pháp phòng cháy chữa cháy, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông nhất là ở các đô thị. Tập trung xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo phát sinh ngay tại cơ sở, đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, kéo dài.

Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn đảng bộ, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành, mọi cán bộ, đảng viên và người dân đối với nhiệm vụ tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Chú trọng thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng về hội nhập quốc tế. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của chính quyền đối với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Chủ động và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân.

Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền địa phương phù hợp với chính sách đối ngoại và lộ trình hội nhập quốc tế. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về những thuận lợi, thách thức trong hội nhập quốc tế.

Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Đổi mới hình thức và nội dung công tác ngoại giao văn hoá và thông tin đối ngoại, nâng cao hiệu quả, hiệu ứng quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, con người, sản phẩm, thế mạnh của địa phương. Tăng cường quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế với các địa phương các nước phát triển, cơ quan đại diện các nước và tổ chức quốc tế tại Việt Nam; tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, đẩy mạnh

thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực có lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội. Vận động kiều bào ở nước ngoài về đầu tư tại tỉnh nhà.

VIII. PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, DÂN CHỦ, BẢO ĐẢM QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Nhận thức đầy đủ và sâu sắc đại đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược của cách mạng, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và phát triển. Có cơ chế phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân. Đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước; khơi dậy khát vọng, củng cố niềm tin để tập hợp, đoàn kết, tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước. Nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Cụ thể hoá các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân; thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách, quy định nhằm giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích hợp pháp, chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước vì lợi ích của nhân dân. Thực hiện tốt Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và có cơ chế xử lý những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

Quan tâm phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn; định hướng và quản lý tốt sự ra đời và hoạt động các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn văn minh. Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân cùng với các nguồn lực khác để phát triển nền nông nghiệp bền vững, toàn diện và hiện đại; phát huy vai trò chủ thể của nông dân, nhất là *"nông dân thế hệ mới"* tiếp tục sáng tạo và làm giàu từ nông nghiệp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức Hội Nông dân các cấp.

Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Ưu tiên đầu tư môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, nhất là các nhà khoa học đầu ngành. Tôn trọng và nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, giám định, phản biện của các chuyên gia, đội ngũ trí thức.

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân cống hiến tài năng, kinh doanh lành mạnh. Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội. Tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng vươn lên cho thế hệ trẻ. Tạo động lực cho thanh niên trong học tập, lao động, sáng tạo, khởi nghiệp, làm chủ các kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại, tham gia các phong trào, cuộc vận động về khởi nghiệp, lập nghiệp, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường… Chăm lo nuôi dưỡng, bảo vệ thiếu niên, nhi đồng, dành những điều kiện tốt nhất, sự chăm lo chu đáo nhất cho trẻ em. Quan tâm, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc đổi mới tổ chức hoạt động đoàn thanh niên, hội liên hiệp thanh niên, đội thiếu niên tiền phong các cấp.

Chăm lo nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần phụ nữ, thực hiện tốt bình đẳng giới; tạo cơ hội, môi trường, điều kiện để phụ nữ làm tròn vai trò của mình trong gia đình và xã hội; có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng trên mọi lĩnh vực; tích cực tham gia các phong trào, cuộc vận động về phát triển kinh tế, làm giàu, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc… Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp.

Phát huy vai trò của cựu chiến binh trong xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch. Động viên cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống và trong giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Quan tâm hoạt động của tổ chức Hội Cựu chiến binh các cấp.

Tạo mọi điều kiện để người cao tuổi tiếp tục phát huy trí tuệ, kinh nghiệm trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tôn giáo và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của tôn giáo. Thực hiện quyền bình đẳng, tự do tín ngưỡng của nhân dân; xây dựng các tôn giáo gắn bó, đồng hành với dân tộc; thực hiện các phong trào thi đua yêu nước "sống tốt đời đẹp đạo".

Chăm lo phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chống kỳ thị dân tộc, dân tộc cực đoan, dân tộc hẹp hòi; nghiêm trị mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng gắn bó thường xuyên, mật thiết với nhân dân, vì quyền lợi chính đáng của nhân dân; để Mặt trận thực sự là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tầng lớp nhân dân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*, theo các mô hình mới, xây dựng khu dân cư tiêu biểu, kiểu mẫu đạt nhiều kết quả. Làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội; bảo vệ quyền lợi của đoàn viên, hội viên; tham gia xây dựng Đảng, nhà nước; tăng cường đối ngoại nhân dân.

Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Bảo đảm điều kiện để nhân dân tham gia ở các khâu của quá

trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống nhân dân, từ đó đề xuất sáng kiến, tham gia thực hiện, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ, nhân quyền để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ, làm chủ của nhân dân.

IX. TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG; XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN TRONG SẠCH, TINH GỌN HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Đảng về chính trị

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp thực tiễn; mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới, những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực dự báo, kịp thời cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước vào thực tiễn địa phương.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ trí tuệ, bản chất cộng sản, tính chiến đấu, vai trò tiên phong, gương mẫu trong Đảng bộ và mỗi cán bộ, đảng viên. Kiên quyết đấu tranh phòng chống và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác tư tưởng

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung phương thức công tác tư tưởng đảm bảo kịp thời, thiết thực và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Kịp thời nắm bắt, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận trong xã hội.

Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

Chú trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị một cách khoa học, sáng tạo và hiện đại; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong dạy và học lý luận chính trị; kịp thời bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên.

- Nâng cao hiệu quả xây dựng Đảng về đạo đức

Nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Kết hợp giữa tăng cường kỷ cương, kỷ luật, thượng tôn pháp luật, xây dựng Đảng nghiêm minh với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng để phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các căn bệnh của chủ nghĩa cá nhân.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng Đảng gắn với Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo

đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong các tổ chức Đảng. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

- *Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu và công tác bảo vệ chính trị nội bộ*

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ của tổ chức cơ sở đảng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên; công tác bảo vệ chính trị nội bộ tại cơ quan, đơn vị; công tác kiểm tra, giám sát và tự kiểm tra, giám sát tại cơ sở. Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; thực hiện chủ trương thủ trưởng cơ quan, đơn vị là bí thư cấp ủy. Tiếp tục nghiên cứu và đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ ở thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở.

Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Đổi mới công tác đánh giá, xếp loại đảng viên bảo đảm thực chất. Phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, phát huy vai trò những đảng viên ưu tú, có triển vọng, chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt các cấp. Sàng lọc, kiên quyết đưa những người không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Coi trọng công tác phát triển đảng, chú trọng chất lượng. Phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những thanh niên ưu tú trưởng thành trong phong trào lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị… đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm với nhiệm vụ. Chú trọng cơ cấu hợp lý cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số đảm bảo sự chuyển tiếp, liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác cán bộ; kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; chống lạm chức, lạm quyền và chạy chức, chạy quyền.

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ và sử dụng nhân tài. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ; thực hiện việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, phòng trong hệ thống chính trị.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ: Nắm chắc lịch sử chính trị và tập trung vào vấn đề chính trị hiện nay. Xử lý đúng quy định những trường hợp có vấn đề chính trị. Không xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử khi chưa có kết luận về tiêu chuẩn chính trị.

Xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ các cơ quan tham mưu công tác xây dựng Đảng, đảm bảo có phẩm chất chính trị tốt, chuyên nghiệp, trung thành, trung thực,

gương mẫu. Đặc biệt là việc lựa chọn và bố trí đúng người đứng đầu các cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ các cấp.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Tiếp tục đổi mới từ việc nâng cao nhận thức tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát, xác định nội dung, đối tượng, nâng cao hiệu lực, quả của công tác kiểm tra, giám sát; siết chặt kỷ luật, kỷ cương của Đảng, bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời; dân chủ, đồng bộ, chặt chẽ.

Tập trung kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, cán bộ chủ chốt các cấp, những lĩnh vực dễ xảy ra vi phạm, có nhiều bức xúc, nổi cộm, dư luận quan tâm, chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; cương quyết xử lý nghiêm minh các hành vi cố tình vi phạm kỷ luật đảng. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải thực sự góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng và việc giữ gìn sự liêm chính, danh dự của Đảng.

Tăng cường công tác chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới, nhất là đối với tổ chức cơ sở đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng nhất là việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm.

Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo hướng phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và các cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp đủ số lượng, nâng cao chất lượng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

3. Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ công tác dân vận

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về công tác dân vận, nhất là công tác dân vận chính quyền trong tình hình mới; tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả và tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về công tác dân vận. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân. Tiếp tục thực hiện phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Lấy sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức đa dạng, phong phú theo hướng thiết thực, hiệu quả, tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền, phát huy sức mạnh to lớn của đại đoàn kết toàn dân trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe tâm tư kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân. Tích cực, đẩy mạnh phong trào

thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo", tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận.

4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; mở rộng dân chủ trong Đảng đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương và nguyên tắc của Đảng; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan Đảng từ tỉnh tới cơ sở theo phong cách Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Nghiên cứu đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng; đổi mới việc xây dựng, ban hành nghị quyết, chương trình hành động, cách thức quán triệt, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, bảo đảm tính hiệu quả; nâng cao tính giáo dục, thuyết phục, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền vận động, tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đổi mới lề lối, phong cách làm việc của cán bộ đảng viên, thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, đơn vị; giảm bớt giấy tờ, giảm mạnh hội họp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất, hiệu quả công tác. Xây dựng và thực hiện phong cách làm việc khoa học, dân chủ, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm.

5. Tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền

- Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ và tinh giản biên chế.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng dịch vụ công, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào công tác quản lý và điều hành của cơ quan các cấp; xây dựng chính quyền các cấp *"Liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân"*. Sơ kết, tổng kết, nhân rộng các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy theo hướng thu gọn đầu mối, khắc phục sự chồng chéo và những bất hợp lý trong tổ chức của hệ thống chính trị.

Tiếp tục thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân các cấp; thực hiện thí điểm mô hình bí thư cấp ủy là chủ tịch ủy ban nhân dân ở những nơi có điều kiện; mô hình bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng dân phố.

Tăng cường chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp, đảm bảo hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và đảng bộ địa phương. Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp, nhất là nội dung và hình thức các kỳ họp, trong tiếp xúc cử tri, công tác giám sát và tiếp thu ý kiến của cử tri.

Tiếp tục rà soát, cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các sở, ban, ngành; khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhận nhiều việc,

nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính; một cơ quan chỉ có một cơ quan cấp trên chỉ đạo trực tiếp.

Thực hiện tốt chủ trương sắp xếp xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp huyện, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan nhà nước, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng chính quyền điện tử từ tỉnh đến cơ sở.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, góp phần xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại. Lãnh đạo thực hiện nghiêm túc các quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và nâng cao hiệu quả của công tác xét xử. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra; hoạt động luật sư và bổ trợ tư pháp.

Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần các nghị quyết Trung ương 6 (khoá XII). Sơ kết, tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy để nhân rộng.

- *Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*

Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị các cấp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, năng lực nổi trội, luôn đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch tổng thể hệ thống đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở; đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý.

Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức; kịp thời cập nhật kiến thức, khoa học và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chính quyền điện tử.

Người đứng đầu cơ quan đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và được trao quyền quyết định về tổ chức cán bộ. Thực hiện tốt chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ và loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, không còn uy tín đối với nhân dân.

6. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, với quyết tâm cao hơn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng,

củng cố hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm các quy định của Trung ương về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; cơ chế bảo vệ, khuyến khích người đứng đầu kiểm tra, phát hiện, xử lý tham nhũng và cơ chế bảo vệ, khuyến khích người tố cáo, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; kiểm soát có hiệu quả tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Tăng cường quản lý để "không thể tham nhũng"; xử lý nghiêm minh để "không dám tham nhũng"; đãi ngộ hợp lý để "không cần tham nhũng" và nâng cao đạo đức để "tránh xa tham nhũng".

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc vụ án tham nhũng; kịp thời xử lý điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có dư luận hoặc có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; xử lý nghiêm những cán bộ nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; mở rộng phạm vi phòng chống tham nhũng ra ngoài khu vực nhà nước.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, bảo đảm liêm chính, trong sạch, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng *(nội chính, kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án)* và các cơ quan tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng. Nâng cao đạo đức và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên công chức, viên chức trong đấu tranh phòng chống tham nhũng.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, công khai, minh bạch trong hoạt động của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức ở một số bộ phận, ngành, lĩnh vực theo quy định của Trung ương.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

*

* *

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, kêu gọi toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân, phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, nắm chắc thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, điều hành của chính quyền, tiếp tục đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện, bền vững, thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, xây dựng tỉnh Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá trong cả nước./.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
*	*Lâm Đồng, ngày tháng năm 2020*
Số -BC/TU	

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

A. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, TRONG NƯỚC VÀ TRONG TỈNH

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh Lâm Đồng được triển khai thực hiện trong bối cảnh:

Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo. Kinh tế thế giới, khoa học công nghệ phát triển nhanh; cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chiến tranh thương mại, xuất hiện nhiều dịch bệnh nguy hiểm tác động sâu rộng trên nhiều lĩnh vực.

Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội ổn định và chuyển biến tích cực. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, một số vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường gây bức xúc...chậm được khắc phục; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19 trong năm 2020 đã tác động không nhỏ đến kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân.

Trong tỉnh, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả tích cực, sự đoàn kết, thống nhất tiếp tục được phát huy. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao. Bên cạnh đó, một số lực lượng phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, mâu thuẫn xã hội, kích động tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, gây rối trật tự công cộng tại địa phương.

B. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X

Kinh tế tiếp tục phát triển, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên theo hướng bền vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt khá cao, bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 8,0%[1]. Trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 5,0%, khu vực công nghiệp xây dựng tăng 7,6%, khu vực dịch vụ tăng 11,2%.

Quy mô GRDP tăng 1,6 lần; chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên,

---

[1] *Dự báo năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid 19, tốc độ tăng tăng trưởng GRDP tăng 6,73-6,83%*

năng suất lao động tăng rõ nét, đạt 112,2 triệu đồng/lao động/năm, tăng 1,5 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người tăng nhanh, từ 46 triệu đồng năm 2015 lên 71 triệu đồng năm 2020, đạt mục tiêu đề ra và cao hơn bình quân chung cả nước.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng dịch vụ tăng từ 33,1% năm 2015 lên 40,4% năm 2020; nông, lâm, thủy sản giảm từ 49,4% năm 2015 xuống còn 40,3% năm 2020; công nghiệp - xây dựng tăng từ 17,5% năm 2015 lên 19,3% năm 2020[2].

Toàn tỉnh thực hiện đạt và vượt 17/17 chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X *(các chỉ tiêu cụ thể theo biểu 01 đính kèm).*

II. Kết quả phát triển trên lĩnh vực kinh tế

1. Về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp gấp 1,3 lần so với 2015; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5%. Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích đạt 180 triệu đồng/ha, tăng 33,6 triệu đồng/ha so với năm 2015 *(NQ 180 triệu đồng/ha);* tiếp tục khẳng định thế mạnh của địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; có 10 doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp công nghệ cao và 165 chuỗi liên kết với 200 doanh nghiệp, hợp tác xã và 17.000 hộ dân.

a) Trồng trọt: Phát triển tương đối toàn diện, trình độ canh tác phát triển vượt bậc; chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là cây trồng chủ lực; năng suất, chất lượng nông sản ngày càng được nâng cao và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tổng diện tích gieo trồng 383.960 ha[3], tăng 11,7% so với năm 2015; diện tích cây trồng được tưới 167.000 ha, bằng 65% diện tích cần tưới, tăng 6,5% so với năm 2015; chuyển đổi 13.000 ha cây trồng, tái canh cải tạo trên 69.000 ha cà phê; năng suất, giá trị sản phẩm cây trồng tăng 25 - 30%, lợi nhuận đạt trên 30% doanh thu.

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ có bước phát triển mạnh. Diện tích sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao đạt 60.200 ha[4], chiếm 20% diện tích đất canh tác, tăng 16.996 ha so với năm 2015; nhiều mô hình sản xuất mới ứng dụng công nghệ cao được hình thành; sản xuất theo chuỗi, liên kết, hợp tác sản xuất ngày càng đa dạng về hình thức, mở rộng đối tượng tham gia, đem lại hiệu quả tích cực; hình thành 07 vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Phối hợp chặt chẽ với tổ chức JICA *(Nhật Bản)* xây dựng và triển khai thực hiện Dự án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi

---

[2] Cơ cấu kinh tế năm 2020: nông, lâm, thủy sản: 40,3%; công nghiệp xây dựng: 19,3%; dịch vụ 40,4% (NQ: 46-46,5; 19,5-20; 33,5-34).

[3] Diện tích đất nông nghiệp là 367.404 ha, trong đó diện tích đất trồng cây hàng năm 63.357ha, đất trồng cây lâu năm là 304.047ha. Diện tích canh tác năm 2020 khoảng 300.000 ha.

[4] Trong đó: cây rau 24.300 ha; hoa các loại 2.927 ha; chè 6.583 ha; cây dược liệu 157 ha; cây ăn quả 300 ha; lúa chất lượng cao 3.827 ha; cà phê 21.945 ha và cây trồng khác 161 ha. Diện tích ứng dụng nhà kính 4.205 ha; nhà lưới 2.445 ha; diện tích ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm đạt 38.500 ha.

trường đầu tư trong nông nghiệp; xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu *"Đà Lạt - kết tinh kỳ diệu từ đất lành"* đối với các sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông,…góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

b) Chăn nuôi, thủy sản tiếp tục phát triển khá, chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng con giống và sản phẩm chăn nuôi; phát triển chăn nuôi tập trung gắn với an toàn sinh học, chuyên môn hóa trong chăm sóc, quản lý dịch bệnh; tỷ lệ giống lai, giống ngoại chiếm trên 95% tổng đàn lợn, trên 75% tổng đàn bò. Năm 2020, quy mô đàn bò đạt 115.800 con, tăng 35,5% so với năm 2015; trong đó, đàn bò sữa 23.400 con, tăng 36%; đàn gia cầm 8,2 triệu con, tăng 83,6%; đàn lợn 416.500 con, tăng 9,2%. Nghề trồng dâu nuôi tằm được khôi phục và phát triển mạnh với trên 7.000 ha, sản lượng kén tằm đạt 11.500 tấn, tăng 7.300 tấn so với năm 2015; cá nước lạnh sản lượng đạt khoảng 1.000 tấn, tăng 28%.

c) Về lâm nghiệp:

Phê duyệt quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; chuyển đổi phương thức quản lý bảo vệ rừng theo đơn đặt hàng; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng[(5)]; hoàn thành tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của 8 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh.

Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về quản lý bảo vệ rừng; phát triển và khôi phục rừng, trồng rừng, trồng cây phân tán đạt được kết quả tích cực. Trong 5 năm, trồng hơn 11.544 ha rừng, 1,47 triệu cây phân tán, trồng xen cây lâm nghiệp trên 2.655 ha; giao khoán quản lý bảo vệ 434.053 ha rừng, chiếm tỷ lệ 80,8% diện tích rừng hiện có; giải tỏa được 1.200 ha đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, trồng lại rừng sau giải tỏa 879 ha, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng từ 52,5% năm 2015 lên 55% năm 2020.

d) Mô hình liên kết bốn nhà *(Nhà nước, nhà khoa học, nhà nông và nhà doanh nghiệp)*: Được triển khai thực hiện có hiệu quả, hỗ trợ nông dân liên kết phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản. Trong thời gian qua, Cộng đồng doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển nông nghiệp của tỉnh, đi đầu trong việc ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất. Quá trình chuyển giao khoa học công nghệ được diễn ra mạnh mẽ, những công nghệ mới được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, phân loại và sơ chế nông sản.

đ) Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, gia nhập thị trường, tiếp cận chính sách hỗ trợ được rà soát, rút ngắn thời gian; công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai hiệu quả.

1.2. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và có sức lan tỏa mạnh mẽ; đa số người dân đồng tình hưởng ứng, tích cực tham gia,

---

[5)] Hiện có 86,7% diện tích giao khoán quản lý bảo vệ rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng với đơn giá trung bình cao gấp 2 lần đơn giá khoán từ ngân sách tỉnh.

đạt nhiều kết quả. Kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư tương đối đồng bộ, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tiếp tục được nâng lên, văn hóa và môi trường nông thôn chuyển biến tích cực.

Năm 2020, toàn tỉnh có 104/111 xã đạt chuẩn nông thôn mới *(tăng 62 xã so với năm 2015)*[6], chiếm tỷ lệ 94% tổng số xã; 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới *(Đơn Dương, Đức Trọng, Đạ Tẻh, Cát Tiên)*; thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Đơn Dương đang triển khai xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, hoàn thành mục tiêu đề ra[7].

2. Công nghiệp - xây dựng

2.1. Về phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp *(theo giá so sánh 2010)* năm 2020 gấp 1,6 lần so với năm 2015; tốc độ tăng bình quân 5 năm 2016 - 2020 đạt 6,7%. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng khoảng 73,7% ngành công nghiệp, tiếp tục đóng vai trò chủ chốt, thúc đẩy tăng trưởng, tăng bình quân 12%/năm; sản xuất và phân phối điện đảm bảo cung cấp đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng tăng 6,84%/năm; ngành cung cấp nước và thu gom xử lý rác thải, nước thải tăng 6,66%/năm; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 10,8%/năm.

Toàn tỉnh có 11.800 cơ sở sản xuất công nghiệp; 02 khu công nghiệp và 06 cụm công nghiệp thu hút 99 dự án *(trong đó, có 21 dự án FDI)* với tổng vốn đăng ký đầu tư là 5.985 tỷ đồng và 91,57 triệu USD; tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp Lộc Sơn là 80%, Phú Hội là 100%, các cụm công nghiệp 52%. Phát triển thêm một số sản phẩm mới: Nhà máy Bia Sài Gòn - Lâm Đồng công suất 100 triệu lít/năm, đóng góp ngân sách khoảng 1.000 tỷ đồng/năm; đầu tư nhà máy sợi len lông cừu khoảng 1.000 tỷ đồng, công suất 4.000 tấn/năm, xuất khẩu 50% sản lượng; tổ hợp Bô xít Nhôm hoạt động vượt công suất thiết kế[8]; Nhà máy sản xuất Dược phẩm Nanogen tiêu chuẩn Châu Âu, công suất thiết kế 332 triệu sản phẩm/năm;...

Thủy điện tiếp tục phát triển theo quy hoạch, năm 2020 có 33 nhà máy thủy điện hoạt động, tổng công suất lắp đặt 2.084,3 MW; tăng 15 nhà máy, 316,3 MW[9] so với năm 2015. Tiểu thủ công nghiệp phát triển và đồng hành với du lịch, xây dựng nông thôn mới; ngành chế biến tơ tằm được khôi phục và phát triển tốt; các mặt hàng tơ xe, lụa tơ tằm, sản phẩm may, len có sự tăng trưởng; sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống tiếp tục được duy trì phát triển. Chương trình khuyến công phát huy hiệu quả tích cực thông qua việc hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và tăng sức cạnh tranh.

2.2. Về xây dựng

Tốc độ tăng bình quân giá trị tăng thêm ngành xây dựng trong 5 năm 2016 - 2020 đạt 9,4%. Hạ tầng đô thị được đầu tư nâng cấp, nhất là hạ tầng đường giao

---

[6] Năm 2019 thực hiện sát nhập 05 xã trên địa bàn các huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên theo Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Theo tiêu chí tại Quyết định số 491/QĐ-TTg, huyện đạt chuẩn nông thôn mới có 70% số xã đạt 19/19 tiêu chí.

[8] Năm 2019 đạt sản lượng 680.000 tấn, công suất thiết kế 650.000 tấn/năm.

[9] Giai đoạn 2016-2020 có 11 dự án thủy điện được quyết định chủ trương đầu tư, xây dựng hoàn thành đi vào hoạt động, tổng công suất lắp đặt 112,3 MW.

thông, chiếu sáng, cấp, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải; tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch đạt 71%, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 95%. Toàn tỉnh có 15 đô thị; trong đó, có 01 đô thị loại 1 *(thành phố Đà Lạt)*, 01 đô thị loại 3 *(thành phố Bảo Lộc),* 01 đô thị loại 4 *(thị trấn Liên Nghĩa)*, 12 đô thị loại 5. Các địa phương đang tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo đảm các tiêu chí đô thị theo quy định.

3. Thương mại dịch vụ và du lịch

3.1. Thương mại và xuất nhập khẩu

Thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng và sản xuất. Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ có bước phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn tăng 12,5%/năm *(NQ tăng 15%*).

Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 đạt 3.170 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 14% *(NQ 14 - 15%)*. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh như Alumin và hydroxit, cà phê, tơ xe, lụa tơ tằm, sản phẩm dệt may, chè, rau, hoa, hạt điều có sự tăng trưởng cả về lượng và giá trị; đến nay đã xuất khẩu đến 40 nước, thị trường xuất khẩu chính là Đông Bắc Á, Châu Âu, Bắc Mỹ.

3.2. Về du lịch

Du lịch tiếp tục khẳng định là ngành kinh tế động lực của tỉnh, đóng góp nhiều vào phát triển kinh tế - xã hội. Lượng khách du lịch tăng qua các năm, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 8,9%/năm *(NQ 8 - 10%)*; riêng năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, lượng khách du lịch còn 3,6 triệu lượt khách; khách qua lưu trú tăng bình quân 12,5% giai đoạn 2016 - 2019; khách quốc tế chiếm 7,4% tổng lượng khách trong giai đoạn 2016 - 2019 *(NQ 10 - 12%)* và chiếm khoảng 4% năm 2020.

Đồng thời, việc phát triển du lịch sinh thái gắn với rừng được triển khai từng bước, vừa đảm bảo mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng bền vững, phù hợp với quy định của pháp luật về lâm nghiệp, vừa ổn định, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực dân cư khó khăn; góp phần giữ vững và bảo tồn văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, mở rộng các tour, tuyến; tăng cường liên kết hợp tác phát triển du lịch với các trung tâm du lịch trong nước *(Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, Vinh, Khánh Hòa)* và ngoài nước *(Băngkok - Thái Lan, Kuala Lumpur - Malaysia, Singapore, Incheon và Muan - Hàn Quốc; Vũ Hán, Thiên Tân - Trung Quốc)*.

Cơ sở hạ tầng ngành du lịch được đầu tư tăng cả về số lượng và chất lượng[(10)]; các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, bổ sung sản phẩm, dịch vụ mới: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch hội nghị, hội thảo,

---

[10)] Đến nay, toàn tỉnh có 35 khu, điểm tham quan du lịch được đầu tư và khai thác kinh doanh cùng với hơn 60 điểm tham quan miễn phí khác (các danh thắng tự nhiên, các công trình kiến trúc, cơ sở tôn giáo, làng nghề, làng dân tộc bản địa, khảo cổ…) và 33 điểm du lịch canh nông phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của du khách tạo nên sự đa dạng, phong phú để xây dựng các tour, tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh. Có 2.250 cơ sở lưu trú du lịch (gấp 2,4 lần năm 2015), với tổng số 25.617 phòng (gấp 1,7 lần so với 2015); trong đó, có 480 khách sạn từ 1-5 sao (tăng 175 khách sạn) với 12.642 phòng (gấp 1,5 lần), 445 khách sạn từ 1-2 sao với 9.146 phòng, 35 khách sạn cao cấp từ 3-5 sao với 3.496 phòng (gấp 1,5 lần so với 2015).

du lịch mạo hiểm, du lịch canh nông, du lịch di sản văn hóa... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

4. Về giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

4.1. Về giao thông vận tải

Hệ thống giao thông *(gồm đường bộ và hàng không)* tiếp tục phát triển, tăng cường tính kết nối với mạng lưới giao thông trong khu vực. Các tuyến Quốc lộ 20 *(đoạn Bảo Lộc - Đà Lạt)*, QL.27 *(đoạn tránh Liên Khương),* đường tỉnh ĐT.721, 724, 725, đường vành đai, đường đô thị, huyện, xã và giao thông nông thôn được quan tâm đầu tư. Đường hàng không tiếp tục phát triển, mở mới các đường bay kết nối với các tỉnh trong nước và quốc tế; tần suất khai thác 28-30 chuyến/ngày; vận tải hành khách tăng bình quân 30%/năm, vận tải hàng hóa tăng 32%/năm. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp để đầu tư nâng cấp bến xe, bãi đậu xe, phương tiện vận tải, đáp ứng được nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh và quốc phòng của địa phương.

Dịch vụ vận tải phát triển nhanh, doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải năm 2020 gấp 1,5 lần so với năm 2015; tốc độ tăng bình quân hàng năm 9,22%. Vận tải hành khách năm 2020 tăng gấp 1,4 lần; vận tải hàng hóa năm 2020 gấp 1,55 lần so với năm 2015.

4.2. Bưu chính, viễn thông

Hạ tầng viễn thông được chú trọng đầu tư có độ bao phủ rộng khắp, bảo đảm chất lượng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển; mật độ thuê bao điện thoại đạt 113 máy/100 dân, có 1.532 trạm phát sóng thông tin di động BTS, tăng 82 trạm; phủ sóng thông tin di động đến 100% khu dân cư; thuê bao internet tăng 273% so với 2015.

Mạng lưới bưu chính mở rộng đến xã, phường, thị trấn; tham gia tích cực, có hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công, phục vụ công tác cải cách hành chính của tỉnh; thực hiện uỷ thác thu thuế cho hơn 27.000 hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn, tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

5. Về tài chính, ngân hàng

5.1. Tài chính

Tổng thu ngân sách nhà nước 5 năm đạt 35.689 tỷ đồng, tỷ lệ huy động vào GRDP đạt 9,1%; tốc độ tăng thu ngân sách bình quân giai đoạn đạt 13%/năm *(NQ 10-12%)*; trong đó, thu từ thuế, phí 22.116 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61,2% tổng thu ngân sách, bằng 6,2% GRDP, tốc độ tăng thu thuế, phí bình quân đạt 12%/năm *(NQ 12 -14%)*; tỷ trọng thu nội địa chiếm 86% trong tổng thu ngân sách nhà nước.

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 đạt 51.929 tỷ đồng; tốc độ tăng chi bình quân 7,7%/năm; trong đó, chi thường xuyên, dự phòng, chi trả nợ chiếm 75,5%; chi đầu tư phát triển chiếm 24,5% tổng chi ngân sách 5 năm. Kỷ luật kỷ cương tài chính ngân sách được tăng cường, hiệu quả sử dụng ngân sách được nâng cao; cơ cấu chi ngân sách chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển[(11)]. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí được triển khai đồng bộ hiệu quả cả trong các đơn vị hành

---

[11)] Tỷ trọng chi đầu tư phát triển năm 2016 là 19,7% tăng lên 26% năm 2020; giai đoạn 2016-2020 chiếm 24,5%.

chính quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Hoàn thành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thực hiện thoái vốn nhà nước, sắp xếp lại các công ty nhà nước theo đúng quy định và tiến độ phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập, giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp được quan tâm chỉ đạo, đạt kết quả.

5.2. Ngân hàng

Tổng nguồn vốn huy động năm 2020 đạt 63.000 tỷ đồng, tăng 33.000 tỷ đồng, tăng 108,7% so với 2015; trong đó, tiền gửi dân cư 47.250 tỷ đồng, chiếm 75%, tiền gửi tổ chức kinh tế và tiền gửi khác chiếm 25% nguồn vốn huy động trên toàn địa bàn.

Tổng dư nợ năm 2020 đạt 113.000 tỷ đồng, tăng 70.000 tỷ đồng, tăng 165% so với năm 2015; dư nợ ngắn hạn 74.580 tỷ đồng, chiếm 66%; dư nợ trung và dài hạn 38.420 tỷ đồng, chiếm 34%. Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế: nông nghiệp chiếm 43%, công nghiệp - xây dựng chiếm 7%, thương mại dịch vụ chiếm 50%. Tổng nợ xấu 700 tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng dư nợ.

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu theo quy định của Chính phủ; đẩy mạnh thực hiện các chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; công khai minh bạch chính sách tín dụng, gói hỗ trợ, lãi suất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp cận thuận lợi, bình đẳng; cải tiến, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay.

6. Lĩnh vực quy hoạch, đầu tư và thu hút đầu tư

6.1. Công tác quy hoạch

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thực hiện có hiệu quả, bám sát Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, các quy hoạch ngành, lĩnh vực. Chất lượng các quy hoạch được nâng cao, khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của địa phương, theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xu thế phát triển chung của đất nước, nâng cao hiệu quả liên kết vùng. Triển khai lập quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; rà soát bãi bỏ 28 quy hoạch sản phẩm hàng hóa, sản phẩm cụ thể theo quy định của Luật Quy hoạch.

Một số quy hoạch lớn đã được lập và phê duyệt: Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng, Quy hoạch tổng thể Khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm, Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đankia - Suối Vàng, Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm Hoà Bình, thành phố Đà Lạt; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng… Các quy hoạch đô thị vệ tinh, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được triển khai đồng bộ, bảo đảm sự thống nhất với các quy hoạch đã được Trung ương phê duyệt; tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 70%.

Việc tổ chức thực hiện, quản lý theo quy hoạch được các cấp, các ngành và địa phương tập trung triển khai; hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội được nâng cao; đảm bảo sự phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương phù

hợp và đồng bộ với định hướng chung của tỉnh.

6.2. Về đầu tư và thu hút đầu tư

a) Về đầu tư kết cấu hạ tầng:

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh uỷ về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; đã tập trung nguồn lực đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm, bức xúc. Hệ thống giao thông đối nội, đối ngoại được mở rộng; công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương nội đồng được kiên cố hóa; hạ tầng đô thị phát triển đồng bộ; hạ tầng năng lượng phát triển nhanh đảm bảo nhu cầu sản xuất, tiêu dùng; các khu, cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư; công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng của nhà nước và xã hội; cơ sở vật chất, trang thiết bị lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa ngày càng hoàn thiện. Bước đầu đã huy động được nguồn lực xã hội ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Các công trình trọng điểm được tập trung chỉ đạo thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn về cơ chế, thủ tục; tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong triển khai dự án và tìm kiếm nhà đầu tư có tiềm lực để thực hiện các dự án theo quy định. Đến nay có 03 dự án[(12)] đang triển khai xây dựng; 04 dự án[(13)] đang hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư triển khai xây dựng; 02 dự án[(14)] tiếp tục kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương xem xét về nguồn vốn đầu tư; 02 dự án tiếp tục xúc tiến tìm kiếm nhà đầu tư[(15)]; 01 dự án đang tiến hành rà soát, xử lý sau khi có kết luận của các Bộ, ngành Trung ương[(16)].

b) Thu hút đầu tư:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn trong quá trình hoạt động; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1528/QĐ-TTg, ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận; Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; ban hành quyết định hướng dẫn về trình tự, thủ tục, quản lý dự án đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; qua đó, tạo chuyển biến trong quá trình thu hút và xúc tiến đầu tư, mời gọi được một số nhà đầu tư lớn, có tiềm lực[(17)] nghiên cứu, khảo sát lập quy hoạch, đề xuất các dự án đầu tư quy mô lớn trong một số lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: nông nghiệp, du lịch, quản lý đô thị; đồng thời, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được phê duyệt.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh thu hút được 214 dự án đầu tư, vốn

---

[12)] Hồ Đạ Sị, Trung tâm văn hóa thể thao, Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm.

[13)] Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng, Khu trung tâm Hòa Bình, Dự án kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp rộng hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc và Hồ Đông Thanh.

[14)] Hồ Kazam; Cao tốc Dầu giây - Liên Khương.

[15)] Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú, Khu công nghệ thông tin tập trung.

[16)] Dự án Khu đô thị thương mại, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đại Ninh.

[17)] Chấp thuận chủ trương cho một số đơn vị: Tập đoàn FLC, Tập đoàn Ecopark, Tập đoàn Tân Hiệp Phát, Tập đoàn Hưng Thịnh.. lập quy hoạch, thực hiện dự án tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, huyện Đức Trọng, Di Linh với mục tiêu đầu tư chủ yếu là khu đô thị, khu du lịch và một số sản phẩm cao cấp khác...

đăng ký 16.352 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2016 -2020 đạt 130 ngàn tỷ đồng, theo đó, vốn của khu vực tư nhân chiếm khoảng 75%; tập trung vào một số lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như: nông nghiệp, du lịch dịch vụ. Một số dự án lớn, lĩnh vực mới như: sản xuất dược phẩm nanogel, sản xuất bia, sản xuất sợi len lông cừu, sản xuất giống rau, hoa áp dụng công nghệ cao, thủy điện... đi vào hoạt động góp phần đa dạng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm tại địa phương. Các dự án đầu tư đã hướng đến việc áp dụng các công nghệ mới trong sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường.

Công tác thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, thu hút nguồn vốn FDI đạt được những kết quả nhất định. Theo đó, đối với nguồn vốn ODA, tỉnh Lâm Đồng đã thu hút được một số chương trình, dự án của các nhà tài trợ như JICA, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á.. trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, môi trường và nông nghiệp; qua đó, góp phần tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực quản lý điều hành, góp phần giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao mức sống người dân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội[(18)]. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư từ nguồn vốn FDI *(chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp)* đã góp phần quan trọng trong việc hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản chủ lực của tỉnh.

Lũy kế đến năm 2020, toàn tỉnh có 988 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký khoảng 130.282 tỷ đồng; trong đó, có 630 dự án hoàn thành đi vào hoạt động, 226 dự án đang triển khai xây dựng, 132 dự án thực hiện thủ tục. Việc triển khai các dự án đầu tư ngoài ngân sách đóng góp đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu, giải quyết việc làm và tăng thu ngân sách nhà nước.

6.3. Đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 5 năm qua, tổng các nguồn vốn đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 3.700 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp 1.900 tỷ đồng[(19)], chiếm 51,4%; vốn huy động của các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các nguồn vốn khác chiếm 48,6%. Thu hút 115 dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách vào địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổng vốn đăng ký 5.800 tỷ đồng. Cơ sở hạ tầng thiết yếu về giao thông, điện, nước, cơ sở y tế, trường học được đầu tư khá đồng bộ, các chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, bảo hiểm y tế, tín dụng, hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ tiền điện,… được thực hiện kịp thời, đầy đủ; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên; các giá trị văn hóa truyền thống

---

[18] *Xây dựng 113 km đường giao thông, cung cấp nứớ sạch cho 12.800 hộ dân; diện tích tưới tăng thêm 9.506ha, hoàn thành 1.391m2 nhà kho, 3.400m2 sân phơi, 8 nhà quản lý (715m2); Hoàn thành 9 phòng khám đa khoa khu vực; cải tạo nâng cấp 2 Trung tâm Y tế cấp huyện (Lâm Hà, Đạ Huoai); hoàn chỉnh hệ thống xử lý chất thải của Bệnh viện II Lâm Đồng; đầu tư xây dựng 49 phòng học, xây dựng 03 trường đạt chuẩn quốc gia; nâng công suất nhà máy xử lý nước thải thành phố Đà Lạt từ 7.400-12.400m3/ngđ.*

[19] *Trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 586 tỷ đồng, xây dựng Nông thôn mới: 1.145 tỷ đồng; Chương trình bố trí sắp xếp dân cư nơi cần thiết theo quyết định 193/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 120 tỷ đồng (NSĐP: 70 tỷ đồng; NSTW 50 tỷ đồng); Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (năm 2016): 15,46 tỷ đồng; Chương trình kiên cố hóa trường lớp học 77,3 tỷ đồng.*

được bảo tồn và phát huy[20].

Sản xuất nông, lâm nghiệp có bước tiến mới, một số nơi đã sản xuất hàng hóa bằng phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi; nhiều mô hình trồng trọt, sản xuất nông nghiệp được áp dụng, các mô hình kinh tế hợp tác, hộ gia đình, trang trại vùng đồng bào dân tộc từng bước được định hình, phát triển.

7. Quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản

7.1. Quản lý đất đai

Tiếp tục thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt; triển khai xây dựng, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối 2016-2020 làm cơ sở để các địa phương triển khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm; nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai có nhiều chuyển biến tích cực; thường xuyên rà soát, kịp thời xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý đất đai; từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho việc triển khai các chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai công tác đo đạc bản đồ địa chính các loại trên địa bàn, hiện đại hóa hệ thống hồ sơ địa chính; đến nay đã hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu về đất đai của thành phố Đà Lạt và các huyện Di Linh, Đức Trọng, Bảo Lâm. Tổng diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu khoảng 260.720 ha, đạt tỷ lệ 94,5%.

7.2. Quản lý tài nguyên khoáng sản

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản được quan tâm thực hiện, thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên khoáng sản theo quy định; việc cấp phép, quản lý hoạt động các dự án khai thác, thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản, quy định của Trung ương và địa phương.

8. Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

8.1. Phát triển doanh nghiệp

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp theo Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh tiếp tục được cải thiện, các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, gia nhập thị trường, tiếp cận chính sách hỗ trợ,… được rà soát, rút ngắn thời gian thực hiện theo quy định.

Doanh nghiệp thành lập tăng cả về số lượng và vốn đăng ký, bình quân mỗi năm có hơn 1.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; dự kiến đến cuối năm 2020, tổng số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế của tỉnh đạt khoảng 10.000 doanh nghiệp, gấp 1,7 lần số doanh nghiệp năm 2015; số vốn bình quân một doanh nghiệp

---

[20] 100% số xã khu vực 3, xã đặc biệt khó khăn có đường ô tô đến trung tâm; hơn 95% số thôn có đường giao thông đi lại được cả 2 mùa; 50% đường nội đồng, đường vào khu sản xuất được cứng hóa; 100% số thôn dùng được điện lưới quốc gia; 100% thôn có y tế thôn bản; 100% số xã có đài phát thanh, 100% số xã phủ sóng truyền hình; 100% trẻ mẫu giáo con hộ nghèo, cận nghèo được miễn học phí, 100% đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế,...

đăng ký giai đoạn 2016 - 2020 là 7,8 tỷ đồng, gấp 1,7 lần giai đoạn trước.

8.2. Phát triển kinh tế tập thể

Kinh tế tập thể tiếp tục phát triển, số lượng hợp tác xã thành lập mới, thành viên hợp tác xã tăng qua các năm. Toàn tỉnh có 05 Liên hiệp hợp tác xã, 400 hợp tác xã với trên 63.000 thành viên *(trong đó, có 320 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với 7.540 thành viên)*, tăng 203 hợp tác xã so với năm 2015; tổng vốn điều lệ khoảng 660 tỷ đồng; doanh thu bình quân khoảng 12,1 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân 224 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 79 triệu đồng/năm.

Đến nay, toàn tỉnh có 360 tổ hợp tác với 7.547 tổ viên, chủ yếu trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, hoạt động theo phương thức cùng nhau sản xuất một chủng loại sản phẩm, cùng tìm doanh nghiệp để tiêu thụ nông sản; hỗ trợ giúp nhau vay vốn, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Toàn tỉnh có 1.000 trang trại; trong đó, có 230 trang trại được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

III. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

1. Về giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

1.1. Về giáo dục, đào tạo

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển, hệ thống trường lớp[21] phân bố rộng khắp, bố trí hợp lý theo địa bàn dân cư, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng[22], đáp ứng yêu cầu về chất lượng; tỷ lệ giáo viên *(mầm non, phổ thông)* đạt chuẩn 99,38%, trên chuẩn 61,35%.

Cơ sở vật chất trường, lớp học và trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng đạt chuẩn; không còn các phòng học tạm, bán kiên cố; hệ thống trường mầm non tại các xã được đầu tư hoàn chỉnh; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia tăng mạnh, từ 38,1% năm 2015 tăng lên 80,57% năm 2020.

Chất lượng, hiệu quả giáo dục chuyển biến rõ nét; công tác phổ cập giáo dục được giữ vững và nâng cao chất lượng[23]. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tiếp tục được quan tâm, đạt giải cao tại các cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia; cuộc thi Olimpic Vật lý tại Pháp, cuộc thi ISEF tại Hoa Kỳ.

Giáo dục vùng đồng bào dân tộc được quan tâm, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Có 8,7% học sinh người dân tộc thiểu số cấp trung học được học trường phổ thông dân tộc nội trú *(2.516/28.965 học sinh)*.

---

[21] Toàn tỉnh có 711 trường, tổng số học sinh là 329.990 học sinh: mầm non 233 trường, tiểu học 250 trường, THCS 159 trường, THPT 57 trường; 01 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 11 trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên cấp huyện, thành phố. Số học sinh mầm non: 69.072 trẻ; phổ thông : 259.572 học sinh; giáo dục thường xuyên 1.346 học viên.

[22] Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 23.285 người, trong đó cán bộ quản lý 1.594 người; giáo viên: 18.143 người; nhân viên: 3.548 người.

[23] Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đối với 147/147 đơn vị cấp xã; có 11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 91,7 %, có 01 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt tỷ lệ 8,3 %; có 02/12 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, tỉ lệ 16,7%, 10/12 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, tỷ lệ 83,3%.

1.2. Về phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025; ký kết chương trình hợp tác, nghiên cứu khoa học với các viện nghiên cứu và trường đại học uy tín để đào tạo phát triển nguồn nhân lực; trong đó, chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao. Tập trung đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ năm 2016 đến nay, đã đào tạo sau đại học 662 người, đại học 1.257 người, lý luận chính trị 7.380 người; quản lý nhà nước 4.259 người, ngoại ngữ và tin học 1.007 người; mở gần 400 lớp bồi dưỡng về chuyên môn theo yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng theo chức danh lãnh đạo quản lý, kỹ năng lãnh đạo, giao tiếp, đạo đức công vụ cho 21.241 lượt cán bộ, công chức.

2. Khoa học và công nghệ

Khoa học và công nghệ bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đã xác định các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao vào thực tiễn sản xuất. Giai đoạn 2016 - 2020 nghiên cứu thực hiện 36 đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp nhà nước; chuyển giao ứng dụng cho cơ quan quản lý nhà nước 16 đề tài các cấp; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng năng suất, chất lượng; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; hỗ trợ đăng ký và được cấp 21 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh. Khoa học và công nghệ đóng góp vào năng suất nhân tố tổng hợp *(TFP)* cao hơn bình quân chung của cả nước. Các chính sách đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp được quan tâm thực hiện. Tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh được tăng cường; đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển.

3. Về y tế, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

Hệ thống y tế được sắp xếp, tinh gọn[24], hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường đầu tư; đưa vào sử dụng Bệnh viện Nhi Lâm Đồng, Bệnh viện II Lâm Đồng, Khoa Ung bướu, Khoa Can thiệp tim mạch, lọc máu và chẩn đoán hình ảnh thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh; hệ thống y tế cơ sở được đầu tư đồng bộ. Đến năm 2020, có 7,9 bác sỹ/vạn dân, 23 giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 98,6%.

Công tác cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh có nhiều chuyển biến tích cực; đội ngũ bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng và cán bộ ngành y tăng về số lượng và chất lượng[25]; triển khai thành công nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao, tình trạng chuyển tuyến giảm. Quản lý chất lượng bệnh viện được chú trọng, tinh thần thái độ phục vụ đội ngũ bác

---

[24] Toàn tỉnh có 24 đơn vị, giảm 17 đơn vị so với năm 2015, trong đó 12 đơn vị tuyến tỉnh (03 đơn vị hành chính, 09 đơn vị sự nghiệp) và 12 Trung tâm y tế huyện, thành phố; có 23 phòng khám đa khoa; 147 trạm y tế xã, phường.

[25] Năm 2020 đạt 0,9 dược sỹ/vạn dân; 84% trạm y tế xã phường có bác sỹ, 100% thôn bản có nhân viên y tế.

sỹ, y sỹ, điều dưỡng chuyển biến tích cực, tỷ lệ hài lòng của người bệnh tăng.

Y tế dự phòng, phòng chống các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm được triển khai thường xuyên, hiệu quả, kịp thời khống chế và hạn chế số người mắc, tử vong do dịch bệnh. Thực hiện tốt chỉ tiêu dân số và kế hoạch hóa gia đình, quy mô dân số năm 2020 đạt 1,31 triệu người, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,02% so với năm 2019. Chăm sóc sức khỏe sinh sản được chú trọng, duy trì tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em đạt trên 95%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi năm 2020 giảm còn 11,8%. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phục hồi chức năng cho người khuyết tật được thực hiện đồng bộ, rộng khắp trong toàn tỉnh.

Công tác quản lý dược được quan tâm, bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu phục vụ phòng bệnh, chữa bệnh. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 70% năm 2015 lên 90% năm 2020, vượt chỉ tiêu Nghị quyết *(NQ 80%)*.

Công tác xã hội hóa về y tế đạt nhiều kết quả tích cực, toàn tỉnh có 517 cơ sở y tế tư nhân, tăng 211 cơ sở, 888 cơ sở bán lẻ thuốc, tăng 178 cơ sở so với năm 2015.

4. Văn hóa, thể dục thể thao

Toàn tỉnh đã triển khai thực hiện việc lồng ghép phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* với Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"* và đạt nhiều kết quả; văn hóa du lịch, văn hóa công sở, văn hóa gia đình được chú trọng thực hiện. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 90%; tỷ lệ thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa đạt 95%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 90%; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 87,5%; cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 98%.

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật, văn hóa quần chúng đổi mới về nội dung và hình thức hoạt động. Các sự kiện văn hóa, hoạt động thông tin tuyên truyền, biểu diễn nghệ thuật phục vụ các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị được chú trọng thực hiện, tổ chức thành công các kỳ Festival Hoa Đà Lạt, Đà Lạt 125 năm hình thành và phát triển, Tuần lễ Văn hóa Trà và Tơ lụa Lâm Đồng Lâm Đồng và nhiều sự kiện văn hoá khác. Đầu tư, tôn tạo nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc được gìn giữ, phát huy; các hủ tục, tập quán lạc hậu được xóa bỏ, thực hiện lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư; 100% huyện có nhà văn hóa và thư viện đạt chuẩn; 92,5% xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa; 79,6% thôn, buôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; phần lớn các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn hoạt động hiệu quả.

Hoạt động thể dục, thể thao thành tích cao có bước phát triển; phong trào thể dục, thể thao quần chúng được mở rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cơ sở phục vụ luyện tập thể dục, thể thao tiếp tục được cải thiện. Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên năm 2020 đạt 40%; số gia đình thể thao đạt 32%; có 1.135 câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở. Tổ chức thành công các giải thể dục, thể thao quốc gia, quốc tế, thu hút hàng chục nghìn vận động viên tham gia thi đấu. Thể thao thành tích cao đạt 235 Huy chương Vàng, 242 Huy chương Bạc và 386 Huy chương Đồng.

5. Về thực hiện chính sách an sinh xã hội

5.1. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa[(26)]; 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và các đối tượng chính sách khó khăn được phụng dưỡng, giúp đỡ. Chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng, người nghèo được quan tâm thực hiện. Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh xây dựng, sửa chữa 2.633 căn nhà với tổng kinh phí 124,358 tỷ đồng; trong đó, có 770 căn nhà ở cho người có công cách mạng. Công tác bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới... tiếp tục được chú trọng. Hàng năm vào các dịp lễ, tết, đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng là người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa khoảng trên 30 tỷ đồng/năm.

5.2. Về lao động việc làm và đào tạo nghề

Toàn tỉnh có 39 cơ sở đào tạo nghề[(27)], giảm 06 cơ sở so với năm 2015; hoạt động của cơ sở đào tạo cơ bản đáp ứng nhu cầu học nghề, số lượng ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu của thị trường; công tác đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng.

Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh có khoảng 192.000 lượt lao động được đào tạo nghề; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 51,6% năm 2015 lên 70% *(NQ 70%);* trong đó, lao động qua đào tạo cấp chứng chỉ đạt 55%. Công tác đào tạo nghề, nhất là nghề chất lượng cao, nghề trọng điểm từng bước được chú trọng, gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho khoảng 29 - 30 ngàn lao động, có trên 600 lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế đạt khoảng 794.520 lao động, tăng 78.520 lao động so với năm 2015; cơ cấu lao động: khu vực nông, lâm, thủy sản 65,2%; khu vực công nghiệp, xây dựng 8,2%; khu vực dịch vụ 26,6%.

5.3. Công tác giảm nghèo

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giao đất sản xuất, hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ tiền điện,…đối với hộ nghèo, cận nghèo; sinh kế và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên qua từng năm.

Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 6,67% năm 2015 xuống còn 1,35% năm

---

[(26)] Thực hiện chính sách cho trên 40.000 đối tượng có công, trực tiếp chi trả trợ cấp hàng tháng cho 9.513 đối tượng, kinh phí 18,913 tỷ đồng/tháng. Trợ cấp hàng tháng cho 572 người hoạt động kháng chiến, hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày, kinh phí 4,762 tỷ đồng/tháng. Thực hiện các chính sách đối với các đối tượng chính sách, thân nhân gia đình có công đúng quy định. Điều dưỡng tập trung và tại nhà đối với người có công và thân nhân cho 4.012 người, tổng số tiền 5,996 tỷ đồng.

[(27)] Gồm: 08 trường dạy nghề (trong đó có 02 trường tư thục), 18 trung tâm (có 07 trung tâm tư thục), 09 doanh nghiệp tham gia dạy nghề, 01 trường Đại học đăng ký dạy nghề và 03 Trung tâm nông nghiệp tham gia đào tạo dưới 03 tháng.

2020, bình quân giai đoạn giảm 1,0%/năm; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 19,11% xuống còn khoảng 4,8%, bình quân giai đoạn giảm 2,9%.

Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện nghèo Đam Rông giảm từ 37,1% cuối năm 2015 xuống còn 7,2% vào cuối năm 2020, bình quân giai đoạn giảm 6%/năm; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 55,4% xuống còn khoảng 17,5%; bình quân giai đoạn giảm 7,6%. Trong 5 năm 2016 - 2020, bình quân mỗi năm có khoảng 3.100 hộ nghèo thoát nghèo; trong đó, có khoảng 1.800 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số thoát nghèo.

6. Môi trường sinh thái và biến đổi khí hậu

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng *(Khóa XI)* về *"Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường"*. Tích cực thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đặc biệt đối với Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang và Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà. Công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng chuyển biến tích cực, độ che phủ rừng đạt chỉ tiêu đề ra.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch; tiếp tục thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải.

Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng và xử lý các loại hóa chất, chất thải gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình; thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế; bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường sinh thái; khai thác và sử dụng tài nguyên hợp lý; thực hiện hoàn thổ, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý năm 2020 đạt 78%.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án điều tra, đánh giá và phân vùng cảnh báo nguy cơ sạt lở đất, đá; thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

IV. Hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế

Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng trên tất cả các lĩnh vực, tạo môi trường thuận lợi để hội nhập sâu, rộng, huy động nguồn lực phát triển và nâng cao vị thế của tỉnh. Các sự kiện văn hóa lớn của tỉnh đã được nhiều tổ chức quốc tế, đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam quan tâm tham gia, ủng hộ[28]. Ngoại giao nhân dân được đẩy mạnh[29], quan tâm hỗ trợ doanh nhân, trí thức kiều bào về đầu tư và làm việc tại tỉnh.

Đến nay, tỉnh Lâm Đồng đã có quan hệ với 07 địa phương, 15 tổ chức quốc

---

[28] Festival Hoa Đà Lạt năm 2017 đón 27 đoàn khánh ngoại giao với 91 người (13 Đại sứ), Festival Hoa Đà Lạt năm 2019 đón 16 đoàn khách với 88 khách ngoại giao (1 Phu nhân Thủ tướng, 4 Đại sứ).

[29] Thành lập 2 hội hữu nghị cấp tỉnh: Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia.

tế và 40 tổ chức NGO thuộc 21 quốc gia và 02 vùng lãnh thổ[30]. Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với 05 địa phương nước ngoài. Giai đoạn 2016 - 2020, vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài đạt 10 triệu USD, 17 tổ chức NGO hoạt động tại địa bàn.

V. Công tác cải cách hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế

1. Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến và đạt được kết quả rõ nét. Các sở, ngành, địa phương tích cực đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thường xuyên rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ những thủ tục không cần thiết, gây khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. UBND tỉnh đã ban hành 94 quyết định cập nhật, bổ sung các thủ tục hành chính theo quy định của cấp có thẩm quyền; có 1.898 thủ tục hành chính đã được công bố; trong đó, cấp tỉnh 1.438 thủ tục, cấp huyện 316 thủ tục và cấp xã 144 thủ tục.

Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và chỉ đạo củng cố, kiện toàn Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" được triển khai thực hiện tại 100% cơ quan hành chính từ tỉnh đến cấp xã. Thực hiện chuyển giao việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của nhiều thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công tại các sở, ngành, địa phương cho cơ quan bưu điện thực hiện. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tính chuyên nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Kỷ cương, kỷ luật hành chính tiếp tục được tăng cường.

2. Sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) và các Kế hoạch số 48, 49-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết. Thực hiện nghiêm các quy định về bổ nhiệm công chức, viên chức giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý và phương án sắp xếp số lượng cấp phó. Rà soát tổ chức, hoạt động của các hội đặc thù; cắt giảm số lượng, sắp xếp lại phòng, chi cục, các cơ quan chuyên môn cấp huyện theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 10 sở, ngành[31], giảm 24 phòng chuyên môn. Tiến hành hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 58 đơn vị[32].

Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính

---

[30] Giai đoạn 2016-2020 thiết lập quan hệ hữu nghị thêm với 2 địa phương Bolykhamxay - Lào, năm 2017, Occitanine - Pháp, năm 2019; ký 41 thỏa thuận quốc tế với 29.

[31] Thanh tra tỉnh; Sở Công Thương; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường.

[32] Giảm 32 đơn vị thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 16 đơn vị thuộc UBND cấp huyện, 10 đơn vị lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; toàn tỉnh đã cắt giảm 159 biên chế công chức và 520 người lao động; tinh giản 334 người[33]. Đến nay, nhiều đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí theo quy định của Chính phủ[34].

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH.14, ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng; đã thực hiện sắp xếp, sáp nhập 10 đơn vị hành chính cấp xã *(09 xã và 01 thị trấn)* thành 05 đơn vị hành chính cấp xã. Thực hiện Nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ về sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố có quy mô hộ gia đình dưới tiêu chuẩn; đã sắp xếp, sáp nhập 318 thôn, tổ dân phố[35] để thành lập mới 153 thôn, tổ dân phố và đổi tên 12 thôn; đến nay, tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh 1.376, trong đó, 877 thôn và 499 tổ dân phố.

VI. Công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã giải quyết 23.055 vụ án các loại trong tổng số 25.038 vụ án đã thụ lý *(đạt tỷ lệ 92%)*; tổ chức 375 phiên tòa lưu động góp phần tuyên truyền pháp luật, phòng chống tội phạm và nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm theo tinh thần cải cách tư pháp. Theo dõi và ra quyết định thi hành án hình sự thực hiện theo đúng quy định, thi hành án đối với 4.808 bị cáo bị kết án; xét giảm án cho 3.025 phạm nhân.

Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của pháp luật. Từ năm 2016 đến nay, các cơ quan quản lý hành chính các cấp và các tổ chức thanh tra đã tiếp nhận 22.737 đơn; trong đó, có 2.695 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đơn đã xử lý đạt tỷ lệ 98,4%. Các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài cơ bản được quan tâm giải quyết dứt điểm, hạn chế phát sinh điểm nóng.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 8/2020, thanh tra các cấp, các ngành đã ban hành kết luận và quyết định xử lý 968 cuộc *(trong đó, có 847 cuộc theo kế hoạch và 121 cuộc thanh tra đột xuất)*; 4.517 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm với số tiền 144,5 tỷ đồng; kiến nghị thu hồi 110,2 tỷ đồng, xử phạt vi phạm hành chính 28,6 tỷ đồng, xử lý khác 34,3 tỷ đồng; thu hồi đạt 86%. Hoạt động thanh tra đã phát hiện và kiến nghị khắc phục nhiều bất cập trong cơ chế, chính sách hiện hành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực.

Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 *(khoá XI và XII)* và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong

---

[33] *Trong đó, năm 2016 giảm 89 người, năm 2017 giảm 97 người, năm 2018 giảm 60 người, năm 2019 giảm 88 người.*

[34] *Có 03 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên để chuyển sang loại hình công ty cổ phần; 20 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; có 57 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.*

[35] *Trong đó, có 178 thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% với 140 thôn, tổ dân phố liền kề có quy mô số hộ gia đình trên 50%.*

cách Hồ Chí Minh. Hầu hết các cấp, ngành và địa phương đã xây dựng và triển khai các biện pháp thực hiện kế hoạch phòng chống tham nhũng theo quy định thông qua công tác cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ, kê khai, công khai minh bạch tài sản, thu nhập…tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh quan tâm, tích cực triển khai, thực hiện với nhiều biện pháp thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể của từng cơ quan, đơn vị góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra. Từ năm 2016 đến nay, thông qua nhiều giải pháp tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực theo quy định, toàn tỉnh đã thực hiện tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực *(lượng hóa bằng tiền)* 2.262 tỷ đồng[(36)].

Công tác quản lý, đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài được thực hiện nhanh chóng, đúng pháp luật. Hoạt động công chứng, chứng thực được thực hiện khá tốt, cơ bản đáp ứng yêu cầu của tổ chức và công dân. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh đã tiến hành trợ giúp pháp lý, tư vấn, giải đáp pháp luật trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đất đai, khiếu nại, tố cáo, hôn nhân gia đình, bảo vệ và phát triển rừng, chế độ chính sách,...

VII. Quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định. Tiềm lực trong khu vực phòng thủ của tỉnh có nhiều chuyển biến rõ nét, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố vững chắc. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 *(khóa XI)* về *"Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"* và các chỉ đạo của Trung ương, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của địa phương trong tình hình mới... Nắm chắc tình hình, âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng, nâng cao trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Khu vực phòng thủ, xây dựng Đề án bảo đảm quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030. Từng bước thực hiện quy hoạch thế trận quân sự khu vực phòng thủ, tập trung bố trí đất, kinh phí xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện, căn cứ hậu cần kỹ thuật[(37)]. Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ cấp tỉnh và 12 huyện, thành phố; diễn tập chiến đấu phòng thủ 100% xã, thị trấn.

Triển khai hiệu quả các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, hoạt động của các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại địa phương[(38)]. Đặc biệt, đã triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm chủ động phát hiện, kịp thời ngăn chặn các hoạt động

---

[36)] Năm 2016: 557 tỷ đồng, Năm 2017: 364 tỷ đồng, Năm 2018: 461 tỷ đồng và Năm 2019: 879 tỷ đồng.

[37)] Cấp đất cho căn cứ HC-KT huyện Lạc Dương, diện tích 6,5 ha; thao trường bắn huyện Đạ Huoai, diện tích 20,4 ha; đầu tư xây dựng căn cứ Hậu cần - kỹ thuật tỉnh với kinh phí 71 tỷ đồng, căn cứ HC-KT huyện Lạc Dương 5,9 tỷ đồng; hỗ trợ làm thao trường, trường bắn tại TP. Bảo Lộc kinh phí 2,3 tỷ đồng, huyện Đơn Dương kinh phí 2,870 tỷ đồng, huyện Cát Tiên 350 triệu đồng.

[38)] Bảo vệ tuyệt đối an toàn 90 đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước; 17 đoàn khách quốc tế đến địa phương. Đảm bảo ANTT các dịp Lễ, Tết và các sự kiện chính trị, các buổi tiếp xúc cử tri, tiếp công dân định kỳ của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

nhằm thành lập, công khai hóa tổ chức chính trị đối lập, "*xã hội dân sự*", các hoạt động chống phá, gây rối, biểu tình của các thế lực thù địch, phản động tại địa phương.

Tổ chức thực hiện nhiều đợt ra quân tấn công trấn áp tội phạm, triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động của các đối tượng hình sự, ma túy[39]. Triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn hoạt động sinh hoạt tôn giáo trái phép[40]. Phối hợp nắm tình hình, vận động quần chúng, tham mưu giải quyết các vụ việc khiếu kiện kéo dài, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép, di dân về làng cũ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số[41]. Tăng cường quản lý trật tự vận tải, giảm tai nạn giao thông đường bộ trên cả 3 mặt *(số vụ, số người chết và số người bị thương)*.

C. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I. Đánh giá tổng quát

1. Những thành tựu đạt được

Kinh tế tiếp tục phát triển, tốc động tăng trưởng ổn định, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên. Có 17/17 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch[42]. Năng suất lao động, GRDP bình quân đầu người tăng nhanh, cao hơn bình quân chung cả nước. Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả khá tốt, các trọng tâm cơ cấu lại về đầu tư, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước được tập trung thực hiện hoàn thành và đạt kết quả tích cực[43].

Phát huy và khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, đất đai để phát triển trên tất cả các lĩnh vực. Nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc, tiếp tục khẳng định thế mạnh của địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Công nghiệp tăng trưởng khá, phát triển một số sản phẩm mới như: bia, sợi len lông cừu, dược phẩm, cát nhân tạo… Tổ hợp Bauxit Nhôm hoạt động hiệu quả và vượt công suất thiết kế; nhiều công trình thuỷ điện đi vào hoạt động, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Du lịch tiếp tục phát triển và đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, từng bước khẳng định là ngành kinh tế động lực của tỉnh; việc mở các đường bay trong nước và quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi trong kết nối và phát triển thị trường khách du lịch; kim ngạch xuất khẩu và doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng trưởng khá, vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư và nâng cấp, tạo tiền đề và

---

[39] So với cùng kỳ: tội phạm về trật tự xã hội giảm 3,8%, trọng án giảm 53,9%; tỷ lệ điều tra khám phá án đạt 86,1%, trọng án khám phá đạt 100%.

[40] Đấu tranh, ngăn chặn 67 vụ sinh hoạt tôn giáo trái phép (Công giáo: 09, Tin Lành: 10, Phật giáo: 12, Pháp luân công: 29, tôn giáo khác: 07).

[41] Hiện nay trên toàn tỉnh còn 12 vụ (tranh chấp khiếu kiện liên quan đất đai 09 vụ và di dân về làng cũ 03 vụ).

[42] Trong đó, 06 chỉ tiêu vượt kế hoạch, bao gồm: bao gồm: (1) GRDP bình quân đầu người, (2) tốc độ tăng thu ngân sách; (3) tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; (4) số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (5) tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; (6) Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân.

[43] Hoàn thành công tác cổ phần hóa, sắp xếp lại và thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn. Cơ cấu chi ngân sách theo hướng giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng dàn trải trong đầu tư, nợ công được kiểm soát, bảo đảm quy định. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP giảm, các khu vực công nghiệp, dịch vụ tăng tương ứng. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu triển khai có hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu giảm, bảo đảm hoạt động ổn định và an toàn hệ thống.

góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội: giao thông đối nội và đối ngoại được mở rộng; các công trình thuỷ lợi và hệ thống kênh mương được ưu tiên đầu tư, nâng cấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị của lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa ngày càng hoàn thiện; diện mạo của đô thị và nông thôn có nhiều khởi sắc.

Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ. Giáo dục và đào tạo phát triển khá đồng đều giữa các vùng, đạt thành tích cao trong các cuộc thi cấp quốc gia và quốc tế; chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên. An sinh xã hội, công tác giảm nghèo và chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công được chú trọng. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và nông thôn mới hoàn thành vượt mức mục tiêu đề ra.

Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu và đạt được nhiều kết quả tích cực. Cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; hiệu lực và hiệu quả của bộ máy chính quyền các cấp từng bước được nâng lên; quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm và đã giải quyết dứt điểm nhiều vụ khiếu nại phức tạp kéo dài.

2. Những hạn chế, yếu kém

Kinh tế phát triển nhưng chưa thật sự ổn định và chưa bền vững; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu phát triển của tỉnh và trước yêu cầu hội nhập quốc tế. Triển khai Đề án tái cơ cấu kinh tế trên một số lĩnh vực chưa rõ nét. Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp hạn chế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển chậm, quy mô còn nhỏ; khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường, nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp còn thấp. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản, việc thu gom và xử lý rác thải còn nhiều hạn chế. Công tác quy hoạch, quản lý theo quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và phát triển đô thị còn bất cập. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Một số công trình trọng điểm chưa triển khai hoặc triển khai chậm. Hệ thống giao thông đối nội, đối ngoại chưa hoàn thiện; các đường quốc lộ nối tỉnh Lâm Đồng với các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ chưa được đầu tư đồng bộ, không theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, làm giảm chất lượng và hiệu quả liên kết vùng.

Ngành du lịch chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh; lượng khách tăng trưởng qua các năm nhưng tỷ lệ khách sử dụng sản phẩm chất lượng cao, khách quốc tế còn thấp; nguồn lực đầu tư cho du lịch chưa mạnh, nhiều dự án đầu tư du lịch kéo dài, chậm tiến độ, hiệu quả chưa cao, sản phẩm du lịch chất lượng cao còn ít, thiếu các sản phẩm du lịch mới lạ, hấp dẫn, các dịch vụ vui chơi giải trí về đêm, mùa mưa.

Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đồng bộ, còn có sự chênh lệch giữa đô thị, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; một số mặt văn hóa, đạo đức, lối sống có biểu hiện đáng lo ngại, chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi; khoa học và công nghệ chưa có bước phát triển đột phá, chưa thể hiện được vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; công tác đào tạo nghề chưa thật sự gắn kết với nhu cầu xã

hội; mức độ xã hội hóa và thu hút đầu tư lĩnh vực y tế chưa mạnh, khả năng cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế chưa đều, thiếu cán bộ chuyên khoa sâu; kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa bền vững, đời sống một bộ phận nhân dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn.

Tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Việc phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết công việc đôi lúc chưa thật rõ ràng; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, tham nhũng vặt trong cơ quan hành chính, dịch vụ công vẫn còn diễn ra, gây bức xúc trong nhân dân và doanh nghiệp. Cải cách hành chính chuyển biến còn chậm, chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Công tác thu hút đầu tư chưa có nhiều đột phá, chưa có nhiều dự án đầu tư lớn do những hạn chế, khó khăn về hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dư địa về đất đai để thu hút đầu tư không còn nhiều.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nguy cơ mất ổn định. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, tội phạm ma túy có xu hướng gia tăng. Tình trạng dân di cư tự do còn diễn ra tương đối phức tạp, nguy cơ mất ổn định an ninh trật tự địa phương. Tai nạn giao thông và vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao. Xuất hiện tội phạm băng nhóm có tổ chức; một số vụ khiếu kiện kéo dài chưa xử lý dứt điểm.

II. Nguyên nhân

1. Nguyên nhân của thành tựu

Chính quyền các cấp kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X thành các chương trình, kế hoạch cụ thể làm cơ sở để triển khai thực hiện.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt, năng động, đổi mới sáng tạo, huy động được sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; tổ chức bộ máy được củng cố, kỷ luật, kỷ cương; đội ngũ cán bộ công chức viên chức có nhiều tiến bộ về phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, năng lực thực thi công vụ.

Khối Đại đoàn kết toàn dân được giữ vững và phát huy, niềm tin của Nhân dân được củng cố, tích cực sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn, quyết tâm vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng; tạo thành động lực quan trong phát triển kinh tế - xã hội.

2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

Tình hình trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp; thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thiếu tính ổn định đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nhiều dự án đầu tư liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp phải đình hoãn hoặc phải cơ cấu lại do chủ trương dừng chuyển đổi mục đích rừng tự nhiên của Đảng

và Nhà nước; doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn, về thị trường tiêu thụ sản phẩm..., nên đã tác động đến giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế và thu, chi ngân sách của tỉnh.

Khả năng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hạn hẹp, việc huy động các nguồn vốn đầu tư hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Chưa có biện pháp hữu hiệu để khắc phục một số hạn chế trong công tác quản lý thuế.

Công tác phối hợp, quản lý, điều hành của một số cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế; cải cách thủ tục hành chính tuy được cải thiện nhưng chưa đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu của nhân dân và doanh nghiệp. Ý thức, trách nhiệm trong thực thi công vụ và năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, chưa tận tâm, tận tụy với công việc.

III. Bài học kinh nghiệm

1. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; quan tâm công tác đối ngoại; tranh thủ sự chỉ đạo, ủng hộ của Trung ương và bạn bè trong nước và quốc tế, tạo mối liên kết phát triển với các địa phương trong cả nước, nhất là các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển; việc xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung, chọn lọc, tránh dàn trải và phải phù hợp với khả năng cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện. Trong chỉ đạo phát triển kinh tế, phải xác định được hướng đi đúng, bước đi thích hợp, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn và có các giải pháp đột phá để thực hiện.

3. Coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển; tăng trưởng phải đi liền với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát huy hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao và vai trò khoa học, công nghệ; thu hút đầu tư có chọn lọc; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ nhưng luôn chú trọng phát triển nông nghiệp, nông thôn; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân và gìn giữ, bảo vệ, cải thiện môi trường. Phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Quan tâm giải quyết tốt chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

4. Phải kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư. Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Thường xuyên tổng kết thực tiễn để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, xây dựng các cơ chế, chính sách mới cho phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích của nhân dân, tạo động lực phát triển.

5. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có phẩm chất, năng lực, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có khát vọng, tâm huyết để nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, điều hành của bộ

máy chính quyền. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính; đề cao trách nhiệm, tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và kiểm tra, giám sát; động viên, khen thưởng kịp thời.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Tình hình thế giới sẽ biến đổi rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Xung đột tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức phức tạp và gay gắt hơn. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Tình hình trong nước, sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để phát triển. Việt Nam tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. Tuy nhiên nền kinh tế chưa phát triển bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức. Xu hướng già hóa dân số nhanh. An ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, bệnh dịch... tiếp tục diễn biến phức tạp.

Quá trình liên kết với các tỉnh Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, liên kết với các địa phương vùng Tây Nguyên còn gặp nhiều khó khăn do những bất lợi về giao thông, hạ tầng kỹ thuật. Cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được những yêu cầu cần thiết để thu hút nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế vẫn duy trì ở mức cao, thu ngân sách còn thấp so với các tỉnh lân cận.

Trong tỉnh, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển; tác động tích cực của quá trình tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tạo tiền đề vững chắc để phát triển; trình độ dân trí, văn hóa và đời sống vật chất, tinh thần nhân dân không ngừng nâng lên là điều kiện, động lực cho phát triển. Tuy nhiên, dự báo tình hình sẽ diễn biến phức tạp, tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức; kết cấu hạ tầng giao thông chậm được đầu tư, nâng cấp; kinh tế phát triển chưa bền vững, sức cạnh tranh thấp; những hạn chế, tồn tại trên các lĩnh vực nếu không có giải pháp khắc phục kịp thời sẽ là lực cản cho sự phát triển.

B. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế để phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt mọi cơ hội phát triển, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xây dựng kinh tế số, xã hội số; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động bộ máy nhà nước, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh;

giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

C. MỤC TIÊU

I. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục phát triển toàn diện, nhanh và bền vững, đưa Lâm Đồng trở thành tỉnh phát triển khá trong cả nước. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu nông nghiệp, hướng đến ngành nông nghiệp toàn diện và hiện đại, là trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế. Phát triển du lịch chất lượng cao, xây dựng thành phố Đà Lạt thành trung tâm du lịch chất lượng cao, trung tâm giáo dục nghiên cứu, sáng tạo khoa học. Phát triển công nghiệp theo hướng chọn lọc, có giá trị gia tăng cao, an toàn về môi trường. Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị - nông thôn; phát triển giáo dục đa ngành; nâng cao vai trò của lĩnh vực văn hóa, phát triển mạnh khoa học kỹ thuật, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Về phát triển kinh tế *(theo đánh giá lại GRDP)*

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0 - 8,0%; trong đó: khu vực nông lâm thủy tăng 4,5 - 5,0%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 11,0%; khu vực dịch vụ tăng 8,0 - 9,0%.

- Cơ cấu kinh tế: Đến năm 2025, khu vực nông lâm thủy chiếm tỷ lệ 35,0 - 36,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 22,0 - 23,5%, khu vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 42,0 - 43,5%.

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 khoảng 120 - 125 triệu đồng, *(tương đương khoảng 5.148 đến 5.363 USD)*; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 8,0 - 9,0%.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội hàng năm chiếm khoảng 35 - 36% GRDP.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 11 - 12%; trong đó, thuế, phí tăng bình quân 12 - 14%; phấn đấu đến năm 2025, ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 14 - 15%, đến năm 2025 đạt khoảng 1.610 triệu USD.

- Lượng khách du lịch qua đăng ký lưu trú tăng bình quân 9%/năm; trong đó, khách quốc tế chiếm từ 12 - 13% tổng lượng khách qua lưu trú.

2. Về phát triển xã hội

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 85,0 - 86,5%; trong đó, tỷ lệ lao động qua

đào tạo được cấp bằng cấp, chứng chỉ chiếm 23,6%.

- Tỷ lệ thất nghiệp dưới 1,2%; trong đó, khu vực thành thị dưới 2%.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều[44] duy trì mức giảm 1,0 - 1,5%; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 2,0 - 3,0% *(theo chuẩn giảm nghèo mới giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ)*.

- Số bác sĩ/vạn dân: 8,5 - 9 bác sĩ; số giường bệnh/vạn dân: 24 - 25 giường bệnh; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%; 100% số xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 khoảng 1,0%.

- Đến năm 2025, giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; 82% thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương; có từ 82% trở lên trường mầm non và phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia.

- Phấn đấu đến năm 2025, có 92% số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; 95% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa; 92% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 90% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- Đến năm 2025, Lâm Đồng đạt tiêu chí tỉnh nông thôn mới; trong đó, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu từ 10 -15%; Đơn Dương và Đạ Tẻh là huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Về môi trường

- Đến năm 2025, có ít nhất 95% rác thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; tỷ lệ hộ dân vùng đô thị sử dụng nước sạch đạt 80% trở lên; tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.

- Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng trên 55%.

4. Các khâu đột phá

Để đạt được phương hướng, mục tiêu nêu trên, cần tiếp tục kế thừa, bổ sung, phát triển các khâu đột phá của giai đoạn 2016 - 2020 để tập trung phấn đấu thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, như sau:

4.1. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước các cấp và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; nâng cao và tạo bước chuyển biến cơ bản về chất

---

[44] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng, trình duyệt chuẩn nghèo đa chiều tiếp cận nhiều tiêu chí hơn so với hiện nay.

lương giáo dục và đào tạo; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

4.3. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công khai, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh theo pháp luật, tạo bước đột phá mới trong phát triển kinh tế - xã hội, tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại; phát triển du lịch chất lượng cao.

4.4. Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng đô thị, giao thông, du lịch, công nghệ thông tin - truyền thông, hạ tầng mạng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng số,… gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

5. Các công trình trọng điểm

- Tiếp tục triển khai đầu tư 08 công trình trọng điểm của giai đoạn 2016-2020, đó là: Khu du lịch Đan Kia - Suối Vàng; Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú; Khu Trung tâm Hòa Bình; Dự án cấp, thu gom xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc; Khu du lịch hồ Đại Ninh; hồ Đông Thanh; hồ Kazam.

- Đầu tư mới 09 công trình, dự án: (1) Khu du lịch Hồ Prenn; (2) Khu Công nghiệp Phú Bình; (3) Xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành phố thông minh; (4) Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm phát triển nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng *(trong đó, có dự án Trung tâm giao dịch hoa Đà Lạt)*; (5) Khu du lịch núi Sa Pung - Bảo Lộc; (6) Xây dựng Khu đô thị Liên Khương - Prenn; (7) Khu đô thị Nam sông Đa Nhim, huyện Đức Trọng; (8) Hồ Ta Hoét; (9) Đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 *(đoạn Phi Nôm - cầu K'Rông Nô)*, 27C, 28B, 55.

D. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Phát triển kinh tế

1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

1.1. Về nông nghiệp

Tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng đa ngành, bền vững, hiện đại có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao, trong đó tập trung đẩy mạnh nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, thông minh; xây dựng tỉnh Lâm Đồng trở thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển Nông nghiệp công nghệ cao của cả nước và vùng Tây Nguyên. Thực hiện có hiệu quả Dự án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp; xây dựng và phát triển vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường, xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và nông nghiệp hữu cơ trong điều kiện ứng phó biến đổi khí hậu. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 25% diện tích ứng dụng công nghệ cao; trong đó, có 600 ha ứng dụng công nghệ thông minh, 150.000 ha sản xuất an toàn và 2.000 ha nông

nghiệp hữu cơ. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu và hội nhập quốc tế; tiếp tục phát huy lợi thế các cây trồng có tính cạnh tranh cao; phát triển vùng dược liệu; nghiên cứu ứng dụng và nhân rộng các quy trình canh tác tổng hợp theo hướng an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh. Quy hoạch lại hệ thống nhà kính, nhà lưới gắn với phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, thân thiện môi trường; thay thế việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, tự nhiên. Nghiên cứu, đẩy mạnh sản xuất giống: rau, hoa, dâu, trứng tằm,…nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất của địa phương, hạn chế nhập khẩu.

Tiếp tục phát triển ngành chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, tiếp tục khôi phục và phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung trên cơ sở phát triển các trang trại chăn nuôi công nghệ cao. Đến năm 2025, đàn lợn đạt 540.000 con; đàn gia cầm trên 10 triệu con; đàn bò đạt trên 129.000 con, trong đó bò sữa 27.000 con; sản lượng kén tằm đạt 15.000 tấn, sản lượng tơ 2.000 tấn. Nâng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp lên 15-20% năm 2025.

Đổi mới quan hệ sản xuất trên cơ sở thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản; ưu tiên khuyến khích thu hút đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông minh và chế biến nông sản. Củng cố và nâng cao hiệu quả của các hợp tác xã nông nghiệp, có năng lực, trình độ quản trị và điều kiện tương xứng với sự phát triển của sản xuất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với các loại hình dịch vụ trong nông nghiệp. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 1.600 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 500 hợp tác xã nông nghiệp với tối thiểu 80% số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả; trong đó, có khoảng 230 chuỗi liên kết với 35.000 hộ nông dân tham gia, diện tích đạt trên 55.000 ha, sản lượng nông sản tiêu thụ qua chuỗi chiếm 30% sản lượng nông sản chủ lực toàn tỉnh.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm *(OCOP)*, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, đặc biệt là thương hiệu *"Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành"* để tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong và ngoài nước. Nâng cao năng lực dự báo thị trường nông sản, lập kế hoạch sản xuất sát với nhu cầu thị trường; đồng thời, thực hiện các giải pháp chủ động điều tiết nguồn cung nông sản *(bảo quản, chế biến…)* giảm thiểu rủi ro, phụ thuộc vào thị trường.

Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp cơ bản đáp ứng các yêu cầu trong sản xuất, đặc biệt là hạ tầng thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, giao thông nội đồng. Đổi mới trong xây dựng và khai thác công trình để giảm chi phí đầu tư, nâng cao tuổi thọ công trình, giảm chi phí vận hành, tiết kiệm tài nguyên. Thực hiện xã hội hóa hoạt động đầu tư, khai thác công trình thủy lợi, nước sạch để phục vụ tốt sản xuất và đời sống người dân nông thôn. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ diện tích canh tác được tưới đạt 70%, diện tích tưới tiết kiệm 20%; tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.

1.2. Về lâm nghiệp

Tập trung, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng theo Đề án ban hành tại

Quyết định số 1836/QĐ-UBND, ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh; ngăn chặn, hạn chế thấp nhất hoặc giảm thiểu tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp; khôi phục rừng trên đất bị lấn chiếm thông qua việc huy động sự vào cuộc của toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng để góp phần hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý bảo vệ rừng. Tiếp tục thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng; trồng rừng mật độ thấp trên diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm; trồng cây phân tán, cây che bóng...tăng độ che phủ, nâng cao giá trị môi trường rừng. Chú trọng phát triển thêm các giống cây lâm nghiệp mới có giá trị kinh tế cao đưa vào trồng rừng sản xuất gắn với phát triển chế biến lâm sản và khai thác có hiệu quả lâm sản phụ, dược liệu dưới tán rừng. Trong toàn giai đoạn, phấn đấu trồng 7.000 ha rừng, 250.000 cây phân tán; hàng năm giảm 10% số vụ vi phạm; diện tích rừng, khối lượng lâm sản thiệt hại giảm ít nhất 10%, trong đó số vụ vi phạm vắng chủ giảm xuống dưới 30%.

1.3. Về thủy sản

Đẩy mạnh các hoạt động nuôi trồng thủy sản, nhất là các giống thủy sản đặc sản, cá nước lạnh theo hướng hàng hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật, chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng ao, hồ, đập,… Diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 khoảng 2.800 ha, sản lượng khoảng 12.000 tấn; trong đó, cá nước lạnh khoảng 2.000 tấn.

1.4. Xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; phát huy vai trò chủ thể của người dân; huy động hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với từng khu vực nông thôn. Thí điểm xây dựng mô hình *"Làng đô thị xanh"* tại các khu dân cư nông thôn có điều kiện thuận lợi. Lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đẩy mạnh phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, Lâm Đồng đạt tiêu chí tỉnh Nông thôn mới; trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có từ 10 -15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Đơn Dương và Đạ Tẻh là huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đồng thời, nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn.

2. Về công nghiệp - xây dựng

2.1. Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Phát triển công nghiệp có chọn lọc, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp, nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp chế biến sâu; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến dược liệu, dược phẩm và thực phẩm chức năng từ sản phẩm nông nghiệp;... với trình độ công nghệ cao, khai thác được thế mạnh nguồn nguyên liệu sẵn có, góp phần thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp địa phương, tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường đầu tư phát triển tiểu thủ công nghiệp; tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống và làng nghề mới; khôi

phục phát triển công nghiệp ươm tơ, dệt lụa gắn với vùng nguyên liệu, nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, dệt thổ cẩm, đan lát,… phục vụ du lịch. Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp lợi thế như: chế biến trà, cà phê, sữa, tơ tằm, alumin, nhôm, công nghiệp phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp và chế biến,…Hoàn thiện quy hoạch, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư; nâng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp *(Khu công nghiệp Lộc Sơn 100% và các cụm công nghiệp khoảng 70%)*. Triển khai xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Phú Bình và Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú. Đẩy mạnh thu hút đầu tư ngành công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, gia tăng giá trị nông sản.

Phấn đấu giá trị sản xuất bình quân 5 năm tăng 11,5 - 12%. Tỷ trọng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 65% cơ cấu ngành công nghiệp; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện chiếm 28%.

2.2. Xây dựng

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến; tiếp cận công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong tỉnh. Huy động nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng, hiện đại, xanh, thân thiện môi trường. Tiếp tục đầu tư, mở rộng không gian đô thị Đà Lạt đáp ứng các tiêu chí của thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị sinh thái, đô thị cảnh quan, hiền hòa - thanh lịch - mến khách, là trung tâm giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch chất lượng cao của tỉnh; thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại 2, là đô thị hạt nhân phía Nam tỉnh Lâm Đồng. Tập trung đầu tư chỉnh trang, nâng cấp các đô thị hiện có trên địa bàn. Xúc tiến, kêu gọi đầu tư Khu đô thị Liên Khương - Prenn trở thành đô thị có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, năng động, sầm uất nhằm kéo giãn dân số và du khách về phía Nam. Phát triển huyện Đức Trọng đáp ứng tiêu chí đô thị loại 3 và trở thành thị xã thuộc tỉnh; thị trấn Di Linh, Thạnh Mỹ trở thành đô thị loại 4. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường nội thị, cải tạo chỉnh trang các nút giao thông chống ùn tắc, bảo đảm lưu thông. Nâng cao chất lượng và quản lý tốt quy hoạch đô thị, bảo đảm phát triển bền vững, đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư, khai thác hiệu quả hạ tầng và tiết kiệm đất.

Tiếp tục quy hoạch, đầu tư phát triển các khu đô thị mới tại trung tâm các huyện lỵ, khu trung tâm các xã, thị trấn. Tăng cường công tác quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch. Rà soát, ban hành các quy định mới về quản lý đô thị trên các lĩnh vực quản lý kiến trúc, quản lý trật tự xây dựng, trật tự giao thông, bảo vệ môi trường, coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, tạo cơ sở pháp lý để tổ chức xây dựng và quản lý đô thị. Tăng cường các nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và chỉnh trang đô thị. Tập trung đầu tư, nâng cao năng lực thu gom, xử lý rác thải, nhất là rác thải rắn tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các đô thị trong tỉnh. Tăng cường các nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và chỉnh trang đô thị. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý đô thị các cấp. Xây dựng nếp sống văn minh đô thị hiện đại.

3. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

3.1. Thương mại, xuất nhập khẩu

Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ; thu hút đầu tư trung tâm thương mại cao cấp và phát triển hỗn hợp cấp vùng tại thành phố Đà Lạt *(Trung tâm Thương mại Hòa Bình)*, thành phố Bảo Lộc *(Trung tâm thương mại tại chợ cũ Bảo Lộc, Khu đô thị mới, Trung tâm thương mại B'Lao)* và các trung tâm thương mại - dịch vụ lớn, hiện đại tại các trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh; khuyến khích xã hội hóa các chợ hạng 1, hạng 2; cải tạo, xây dựng và phát triển các chợ truyền thống; chợ đầu mối nông sản. Tăng cường kết nối giữa người sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, các hiệp hội và cơ quan quản lý để phát triển mạnh thị trường, chú trọng thị trường nội địa. Đẩy mạnh việc hình thành các chuỗi sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ du lịch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 12%/năm.

Đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng qua chế biến có lợi thế về nguyên liệu của địa phương. Chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt khoảng 1.610 triệu USD, tăng bình quân 15%/năm.

Ưu tiên nhập khẩu thiết bị công nghệ mới, hiện đại; hạn chế nhập khẩu hàng hoá vật tư, thiết bị cũng như hàng tiêu dùng mà trong nước có thể sản xuất. Đến năm 2025, giá trị nhập khẩu đạt 365 triệu USD, tăng bình quân 8%/năm. Ưu tiên, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển những ngành, lĩnh vực có lợi thế, hiệu quả. Phát triển thương mại điện tử gắn với kinh tế số.

3.2. Du lịch, dịch vụ

Tiếp tục khai thác, phát huy lợi thế về khí hậu, cảnh quan, môi trường để mở rộng không gian du lịch theo quy hoạch, phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, khẳng định thương hiệu, khả năng cạnh tranh và thật sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh; xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành trung tâm du lịch chất lượng cao, tầm quốc gia và quốc tế, hướng tới phát triển du lịch thông minh. Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch mới lạ, hấp dẫn; tiếp tục phát triển mạnh các loại hình du lịch đặc trưng mang thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng và các sản phẩm đặc thù từng địa phương gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; giữ gìn, tôn tạo kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên.

Tăng cường công tác xúc tiến, đẩy mạnh kết nối du lịch trong nước và quốc tế; khuyến khích xây dựng các khu vui chơi, giải trí lớn, hiện đại, các nhà hàng, khách sạn cao cấp,... nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch gắn với phát triển kinh tế về đêm. Xây dựng các tour, tuyến du lịch trên địa bàn trong quan hệ hợp tác liên tỉnh, liên vùng và quốc tế.

Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch chất lượng cao, ưu tiên phát triển dịch vụ du lịch theo hướng chất lượng cao, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ du lịch mới lạ, hấp dẫn nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu của du khách. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật số trong quản lý, kết nối các dịch vụ du lịch, du khách. Phát triển đội ngũ quản lý và hướng dẫn viên có tính chuyên nghiệp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng hàng năm về khách du lịch qua đăng ký lưu trú đạt 9%; trong đó, khách quốc tế chiếm từ 12 - 13% tổng khách qua lưu trú.

Phát triển mạnh khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là các dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như du lịch, bán buôn, bán lẻ các mặt hàng nông sản; phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao và khả năng cạnh tranh, như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính - viễn thông; tư vấn, phát triển thị trường bất động sản.

4. Về giao thông vận tải

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông đối nội và đối ngoại; nâng cao chất lượng vận tải đường bộ, đường hàng không; tăng cường kết nối giữa các phương thức vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và logistics; tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải. Tăng cường phát triển vận tải hành khách công cộng để hạn chế phương tiện cá nhân. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá,... để mở đường bay quốc tế đến Cảng hàng không Liên Khương từ các nước Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước khác trong khu vực. Tiếp tục duy trì các đường bay nội địa hiện có và mở thêm một số đường bay mới từ Liên Khương đi các tỉnh, thành phố và ngược lại.

5. Về tài chính, tín dụng

5.1. Tài chính

Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước 5 năm đạt trên 63.000 - 64.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng từ 10 - 11% GRDP; tốc độ tăng thu ngân sách bình quân giai đoạn đạt 10 - 12%/năm; trong đó, thu từ thuế, phí chiếm tỷ trọng khoảng 70% tổng thu ngân sách nhà nước; tốc độ tăng thu thuế, phí bình quân đạt từ 12 - 14%/năm.

Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; chú trọng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh kiểm tra. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 62-CTr/TU, ngày 23/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; phấn đấu đến năm 2025, ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên; tập trung rà soát, cắt giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, phấn đấu đến hết năm 2025 chi đầu tư phát triển đạt tỷ lệ 30% trong tổng chi cân đối ngân sách; quản lý chặt chẽ nợ công.

Phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi hợp lý để tăng cường vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh, tăng tỷ lệ tự chủ của ngân sách cấp huyện, xã. Đổi mới mạnh mẽ tài chính khu vực sự nghiệp công lập, giảm dần số cấp từ ngân sách, tăng số lượng đơn vị tự chủ tài chính nhất là trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và đơn vị sự nghiệp thuộc huyện quản lý.

5.2. Ngân hàng

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu lĩnh vực tín dụng, sắp xếp, nâng cao năng lực hệ thống tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục xử lý nợ xấu, nhất là các tổ chức tín dụng yếu kém; tăng cường thanh tra, giám sát; xử lý nghiêm các vi phạm.

Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, mở rộng và đẩy mạnh thanh toán điện tử nhất là trong lĩnh vực dịch vụ hành chính công như thuế, điện nước, học phí…; Tuyên

truyền, khuyến khích người dân sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Ưu tiên thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ danh nghiệp; gắn tăng trưởng tín dụng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng và hiệu quả hoạt động cho vay; thực hiện tốt các giải pháp góp phần thực hiện chính sách tiền tệ, kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại. Phát triển mạnh các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử, mở rộng các hình thức thanh toán quốc tế.

6. Lĩnh vực quy hoạch, đầu tư và thu hút đầu tư

6.1. Quy hoạch

Tiếp tục triển khai Luật quy hoạch, lập và phê duyệt quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045; nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, tăng cường tham vấn ý kiến các chuyên gia trong và ngoài nước để xác định tầm nhìn chiến lược dài hạn; rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch làm cơ sở thu đầu tư, phát triển kinh tế xã hội. Đẩy nhanh tiến độ lập và phê duyệt các quy hoạch đô thị vệ tinh, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, đến năm 2025 tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt 100%; bảo đảm thống nhất, liên kết với quy hoạch tỉnh và Quyết định số 1848/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 704/QĐ-TTg, ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phê duyệt các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết,...

Triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để tạo ra sức mạnh chung của nền kinh tế. Phát triển mạnh đô thị, liên kết đô thị với nông thôn, tạo động lực cho các vùng; xây dựng đô thị hiện đại, văn minh theo hướng đô thị thông minh.

6.2. Đầu tư và thu hút đầu tư

a) Về đầu tư kết cấu hạ tầng

Tập trung xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng gắn với quy hoạch phát triển vùng Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Duyên hải Nam Trung bộ. Huy động tối đa các nguồn vốn của các thành phần kinh tế, đặc biệt là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thông qua các hình theo hình thức đối tác công tư *(PPP, BT, BTO,...)* để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ: giao thông, đô thị, năng lượng, thuỷ lợi... gắn với quy hoạch phát triển vùng tỉnh và huyện; bứt phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, Internet..., tạo cơ sở cho bước chuyển sang nền kinh tế số, hiện đại. Thúc đẩy tiến độ đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống đường vành đai các đô thị lớn. Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng các lĩnh vực văn hóa - xã hội, vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tranh thủ nguồn vốn Trung ương đầu tư giao thông đối ngoại, dự án có quy mô lớn, có tính liên kết vùng như: đường cao tốc

Dầu Giây - Liên Khương; các Quốc lộ: 27 *(đoạn Phi Nôm - cầu K'Rông Nô)*, 27C, 28, 28B, 55; đường vành đai, đường tránh đô thị thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; nâng cấp sân bay Liên Khương từ tiêu chuẩn 4D lên 4E; hồ thủy lợi Ta Hoét, Đông Thanh, Kazam và một số hồ, đập khác tăng thêm năng lực tưới, điều hòa và chống hạn; triển khai đề án chống ùn tắc giao thông tại các đô thị.

Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện các dự án, công trình theo đúng tiến độ. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư công.

b) Về thu hút đầu tư

Kiên trì thực hiện đồng bộ các biện pháp cải thiện căn bản môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phấn đấu đưa tỉnh Lâm Đồng đứng vào nhóm các tỉnh, thành phố trong cả nước có chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và nhóm 20 tỉnh có chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tốt nhất vào năm 2025. Rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là về giải phóng mặt bằng, giao đất, thuế, hải quan... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin một cách toàn diện, đồng bộ trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch, thủ tục hành chính và chính sách thu hút đầu tư.

Tiếp tục cơ cấu lại các dự án đầu tư đã được Quyết định chủ trương đầu tư; thực hiện các biện pháp đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án lớn có tầm ảnh hưởng rộng. Kiên quyết chấm dứt hoạt động, thu hồi đất đối với các dự án không có khả năng triển khai, các dự án lập thủ tục để giữ đất, các dự án vi phạm pháp luật về Đầu tư, Đất đai, Lâm nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Tiếp tục xây dựng, rà soát danh mục và cơ cấu lại các dự án thu hút đầu tư đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đổi mới, chủ động, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, kinh nghiệm triển khai dự án. Ưu tiên nhà đầu tư thực hiện dự án trong lĩnh vực thế mạnh của tỉnh là nông nghiệp và du lịch, khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án khu đô thị mới, khu dân cư; các ngành công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu mới, các lĩnh vực xã hội hóa giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

7. Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó biến đổi khí hậu.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; tích cực, chủ động thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung xây dựng, triển khai thực hiện đề án tăng cường quản lý bảo vệ rừng, chống xâm hại rừng và khôi phục diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm; duy trì độ che phủ rừng và diện tích rừng theo quy hoạch.

Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng và xử lý các loại hóa chất, chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường, nhất là môi trường rừng; chọn lọc tiêu chuẩn kỹ thuật, kiên quyết loại trừ công

nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Huy động nguồn lực tập trung đầu tư, nâng cao năng lực thu gom, xử lý rác thải, nhất là rác thải rắn tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các đô thị. Kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, chuyên môn về xử lý rác thải đầu tư vào địa phương.

Đẩy mạnh điều tra cơ bản, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất, nước và các nguồn tài nguyên. Nâng cao năng lực giám sát về môi trường và biến đổi khí hậu, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và thảm họa môi trường. Huy động nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu *(bảo đảm an toàn các hồ, đập chứa nước, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng...)*. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

8. Về phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

8.1. Về phát triển doanh nghiệp, doanh nhân

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách trợ giúp phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao sức cạnh tranh; tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị; khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh. Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội. Tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh và cống hiến. Phấn đấu mỗi năm có trên 1.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đến năm 2025 có khoảng 15.000 doanh nghiệp.

8.2. Về phát triển kinh tế tập thể

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, nòng cốt là hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện; dân chủ, bình đẳng, công khai, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cùng có lợi. Chú trọng phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, hình thành các chuỗi giá trị trong nông nghiệp gắn sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; với mô hình *"Doanh nghiệp là nòng cốt; kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác là trung tâm; nông dân là chủ thể"*. Chú trọng những mô hình liên kết để tạo sự bứt phá mang lại hiệu quả cao giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân gắn với nâng cao trình độ quản trị, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ cao. Phát triển tổ hợp tác với nhiều hình thức phù hợp. Thúc đẩy và tạo điều kiện liên kết giữa các hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác. Phấn đấu đến năm 2025, có 05 Liên hiệp hợp tác xã và 550 hợp tác xã[(45)]; trong đó, có 375 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; thu nhập bình quân của 01 lao động thường xuyên tăng từ 10 - 15%/năm.

II. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội

1. Về phát triển giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

1.1. Về giáo dục và đào tạo

[45)] Tăng 150 hợp tác xã so với năm 2020, tổng vốn điều lệ đạt 800 tỷ đồng; doanh thu bình quân khoảng 21 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân 300 triệu đồng/năm.

Phấn đấu xây dựng Lâm Đồng trở thành trung tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành, đạt chuẩn quốc tế. Phấn đấu xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành một trong những trung tâm giáo dục quốc gia và quốc tế.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương *(khóa XI)* về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết. Hoàn thiện mạng lưới trường, lớp học; đầu tư chuẩn hóa về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy; quan tâm phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa để giảm dần khoảng cách về chất lượng giáo dục[46]. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, bảo đảm đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học. Ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, bảo đảm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội và thu hút nguồn lực quốc tế đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao. Tiếp tục rà soát quy hoạch, sắp xếp hệ thống giáo dục gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

1.2. Về phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đa dạng hóa các loại hình đào tạo; tiếp tục hợp tác với các viện nghiên cứu và trường đại học có uy tín để ưu tiên đào tạo một số ngành, nghề quan trọng, nhất là đối với những ngành, nghề có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới việc đánh giá, tuyển chọn, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức và có chính sách đãi ngộ nhằm phát hiện, thu hút những người có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực tham gia vào hoạt động công vụ. Kết hợp hài hòa giữa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo.

2. Về khoa học và công nghệ

Tiếp tục phát triển khoa học và công nghệ, tập trung phát triển một số ngành khoa học mũi nhọn, có tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tiềm năng, điều kiện của tỉnh; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, chú trọng bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chủ động tiếp cận triển khai các chương trình, dự án khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khuyến khích thành lập doanh nghiệp khoa học, công nghệ; đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học,

---

[46] *Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường ở các bậc học: nhà trẻ là 20%, mẫu giáo là 95% (trong đó mầm non 5 tuổi là 100%), tiểu học là 100%; trung học cơ sở 97 % và trung học phổ thông là 70%; có 9,5% học sinh dân tộc thiểu số đang học ở bậc trung học được nội trú; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 97%; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia duy trì trên 82%. Các chỉ tiêu về phổ cập giáo dục: duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập THCS mức độ 2, phấn đấu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.*

viện nghiên cứu, cá nhân trong tỉnh với các đối tác nước ngoài. Nghiên cứu, từng bước sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị, các lực lượng khoa học theo hướng liên kết chặt chẽ khoa học với giáo dục, đào tạo và các hoạt động thực tiễn. Đẩy mạnh khởi nghiệp sáng tạo. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động sở hữu trí tuệ,…

3. Về y tế

Phát triển đồng bộ, hiện đại mạng lưới y tế; nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện; đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế. Mở rộng mạng lưới khám chữa bệnh y học cổ truyền, các bệnh viện chuyên khoa; phát triển hệ thống y tế ngoài công lập.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại; đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực ngành y tế thực hiện các hoạt động y tế chuyên sâu, đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế có chất lượng cao, kỹ thuật cao. Tiếp tục đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng thành bệnh viện khu vực có khả năng thực hiện các dịch vụ kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, xây dựng cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường. Phấn đấu đến năm 2025, có 8,5 - 9 bác sỹ/vạn dân, có 24 - 25 giường bệnh/vạn dân.

Chú trọng công tác y tế dự phòng, bảo đảm đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh dịch, các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm; củng cố và nâng cao năng lực kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm theo chuẩn quốc gia; thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

Bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu phục vụ phòng bệnh, chữa bệnh; phát triển vùng dược liệu, phấn đấu đưa Lâm Đồng trở thành một trong những trung tâm dược liệu lớn trong nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư để huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế gắn với chất lượng dịch vụ; phấn đấu tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95%.

4. Về văn hóa, thể dục và thể thao

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 89-CTr/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng *(khóa XI)* về *"Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"*; khơi dậy khát vọng của người dân và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc trong tỉnh; củng cố và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đưa phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa ở các khu dân cư, các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, gắn việc phát huy các giá trị văn hóa với phát triển du lịch.

Huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao cấp quốc gia tại thành phố Đà Lạt, Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao tỉnh,... Tiếp tục phát triển phong trào thể thao quần chúng, từng bước hiện đại và chuyên nghiệp hoá về thể thao thành tích cao; tập trung vào các môn, lĩnh vực có thế mạnh

của tỉnh. Tăng cường đào tạo đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên nòng cốt đảm bảo chất lượng để tham gia vào các đội tuyển trẻ, đội tuyển quốc gia.

5. Về thông tin, truyền thông

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin, truyền thông. Khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đổi mới hệ thống quản lý, khai thác; đầu tư phát triển hạ tầng với trang thiết bị, công nghệ hiện đại và cung cấp, phát triển các dịch mới, dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội. Huy động các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành thành phố thông minh, thân thiện và đáng sống. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm kết nối thuận lợi, thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản; bảo đảm phát triển và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp quản lý và phát triển các loại hình thông tin trên mạng Internet.

6. Về an sinh xã hội.

6.1. Về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách xã hội

Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên; chú trọng quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa. Thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, chăm sóc người cao tuổi; chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, người khuyết tật; chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách an sinh xã hội khác. Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đẩy mạnh xã hội hóa toàn dân chăm lo cho các đối tượng chính sách và người nghèo. Đa dạng hóa và đổi mới phân bổ nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích, bảo đảm mọi người đều bình đẳng, có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện.

6.2. Về lao động việc làm và đào tạo nghề

Thực hiện tốt các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng thị trường lao động linh hoạt, gắn đào tạo với sử dụng; tập trung giải quyết việc làm bền vững, đặc biệt là việc làm cho lao động nông nghiệp do chuyển đổi lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình, đề án, dự án về dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo 86,5%; trong đó, đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 23,6%. Tỷ lệ thất nghiệp lao động dưới 1,2%; trong đó, khu vực thành thị dưới 2%.

6.3. Về công tác giảm nghèo

Tiếp tục thực hiện tốt các định hướng giảm nghèo của Trung ương; ưu tiên nguồn lực thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo, nâng cao điều kiện sống cho các hộ nghèo; hỗ trợ, tạo điều kiện cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo có

nhà ở, có sinh kế, phương tiện để sản xuất. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn công tác khuyến công, khuyến nông để vươn lên thoát nghèo và không tái nghèo. Thực hiện tốt việc huy động các nguồn lực xã hội và lồng ghép các chương trình, dự án giảm nghèo vào các chương trình có cùng mục tiêu để đem lại hiệu quả cao và bền vững. Tiếp tục đầu tư, hỗ trợ để các hộ nghèo, cận nghèo và các thôn nghèo thoát nghèo bền vững. Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 1,0 - 1,5%; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm 2,0 - 3,0% *(theo tiêu chí mới)*.

7. Về thực hiện chính sách dân tộc

Tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về Phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 12/NQ-CP, ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 14-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa X). Từng bước đầu tư mới, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, văn hóa,...vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế hiệu quả cho đồng bào dân tộc thiểu số. Giải quyết tốt các vấn đề về dân di cư tự do, thiếu đất ở, đất sản xuất của người dân tộc thiểu số. Chú trọng việc bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên gắn với phát triển du lịch, dịch vụ. Quy hoạch khôi phục các buôn, làng theo tập quán của từng dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú đặc trưng của các dân tộc.

III. Về nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại

Tiếp tục thực hiện hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định thuộc thẩm quyền địa phương phù hợp với chính sách đối ngoại và lộ trình hội nhập quốc tế. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về những thuận lợi, thách thức trong hội nhập quốc tế; tăng cường quan hệ đối ngoại với các cơ quan đại diện các nước, tổ chức quốc tế, vận động kiều bào về đầu tư tại địa phương.

Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Đổi mới hình thức và nội dung công tác ngoại giao văn hoá và thông tin đối ngoại, nâng cao hiệu quả, hiệu ứng quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, con người, sản phẩm, thế mạnh của địa phương. Tiếp tục tăng cường quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế với các địa phương của các nước phát triển, các cơ quan đại diện các nước và tổ chức quốc tế tại Việt Nam; tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài, đẩy mạnh thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực có lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân.

IV. Về thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, cơ cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 *(khoá XII)* và Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị *(khóa XI)*. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ giữa các ban, ngành; khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhận nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính; một cơ quan chỉ có một cơ quan cấp trên trực tiếp; đẩy mạnh việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 *(khoá XII).*

Đẩy mạnh việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, thực thi công vụ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, tạo sự đồng thuận đối với người nhân dân, doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ, năng lực, đạo đức lối sống trong sáng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Củng cố hoạt động Trung tâm hành chính công; xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật. Theo dõi, nắm chắc tình hình, chủ động dự báo để giải quyết tốt các vụ việc khiếu nại, tố cáo, không để phát sinh *"điểm nóng"* về khiếu kiện phức tạp. Tiếp tục đổi mới hoạt động của các cơ quan thanh tra theo hướng tăng cường công tác thanh tra hành chính, thanh tra trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng và trong chấp hành chế độ công vụ; kịp thời phát hiện, kiến nghị chấn chỉnh, xử lý kịp thời các tồn tại, hạn chế, sai phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, nhất là tham nhũng vặt, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong giải quyết thủ tục hành chính và các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo công tác phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cấp, mỗi ngành. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các cơ chế, chính sách nhằm huy động sức mạnh nhân dân trong việc tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí.

V. Về quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương *(khóa XI)* về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và triển khai Nghị

quyết số 51-NQ/TW, ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ An ninh Quốc gia. Củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và phòng chống ma túy; chiến lược quốc gia về bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chiến lược cải cách tư pháp. Củng cố, kiện toàn công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tập trung xử lý, giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo phát sinh ngay tại cơ sở, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, thời hạn theo quy định; xử lý, giải quyết dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, vụ án tồn đọng, kéo dài,...không để kẻ xấu lợi dụng, kích động chống phá. Đấu tranh với các loại tội phạm, rà soát, phát hiện, phân loại và quản lý các đối tượng hình sự; kiên quyết không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí và chống ùn tắc giao thông tại các đô thị. Tăng cường quản lý, bảo đảm công tác phòng cháy, chữa cháy; tổ chức diễn tập, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân.

VI. Đẩy mạnh phong trào thi đua

Thường xuyên phát động và duy trì các phong trào thi đua yêu nước bằng nhiều nội dung, hình thức phù hợp, thiết thực; gắn với công tác cải cách hành chính, giải quyết hồ sơ thủ tục cho người dân doanh nghiệp, hiệu quả thực thi công vụ, đổi mới sáng tạo. Kịp thời phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra./.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH